

BAN CHỈ ĐẠO LIÊN NGÀNH COMMIT VIỆT NAM

**COMMIT VÀ HOẠT ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG BUÔN BÁN NGƯỜI, LẠM
DỤNG TÌNH DỤC TRẺ EM TRONG DU LỊCH**

TÀI LIỆU TẬP HUẤN TRONG NGÀNH DU LỊCH

Hà Nội, tháng 8/2008

MỤC LỤC

<i>Lời mở đầu</i>	3
Phần I. Giới thiệu về Chương trình 130/CP và Tiến trình COMMIT	5
• Tổng quan về Chương trình 130/CP.....	6
• Tiến trình COMMIT là gì.....	7
• Mục tiêu hoạt động của COMMIT.....	8
• Ban Chỉ đạo quốc gia COMMIT Việt Nam.....	9
• Hội nghị quan chức cấp cao (SOM).....	9
• Văn kiện Ghi nhớ.....	11
• Kế hoạch Hành động tiểu vùng.....	12
<i>Phụ lục 1. Văn kiện Ghi nhớ</i>	14
<i>Phụ lục 2. Sáng kiến phối hợp-Khung Kế hoạch hành động</i>	20
Phần II. Du lịch Việt Nam, tiềm năng và những thách thức	23
• Giới thiệu về tiềm năng du lịch Việt Nam.....	24
• Những thành tựu, tốc độ phát triển.....	26
• Những nguy cơ, thách thức.....	29
• Điểm báo.....	32
Phần III. Sự hợp tác của ngành du lịch “bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục trong du lịch”	38
• Tham gia Ban Chỉ đạo liên ngành COMMIT.....	39
• Tham dự Hội nghị cấp cao tại Thái Lan tháng 11/2007.....	39
• Cử cán bộ tham gia lớp giảng viên nguồn.....	40
• Phối hợp các tổ chức quốc tế mở các lớp tập huấn.....	40
• Tổ chức tuyên truyền, kiểm tra.....	42
<i>Phụ lục</i>	44

Lời mở đầu-----

Trong những năm vừa qua, ngành du lịch Việt Nam có những bước phát triển vượt bậc, đã và đang góp phần không nhỏ mang lại sự thịnh vượng cho nền kinh tế, làm nổi bật và phát huy những truyền thống văn hoá địa phương, bảo vệ môi trường. Du lịch Việt Nam với sự hấp dẫn riêng có đang tạo ra sức hút lớn đối với du khách quốc tế. Cùng với những thành tựu như vậy thì gắn liền với nó là những nguy cơ của tác động xã hội tiêu cực, mặc dù đó không phải là bản chất của phát triển du lịch. Đó chính là nguy cơ của việc xuất hiện loại hình du lịch tình dục mà đặc biệt là du lịch tình dục trẻ em. Du lịch tình dục trẻ em không phải là dạng buôn bán người duy nhất trong ngành du lịch mà về tác động nó là dạng tàn ác nhất liên quan đến việc bóc lột, buôn bán người bất hợp pháp.

Tiến trình COMMIT là sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng về phòng, chống buôn bán người khu vực tiểu vùng sông Mekong được Chính phủ 6 nước Việt Nam, Lào, Campuchia, Trung Quốc, Thái Lan, Myanmar khởi xướng từ cuối năm 2003. Trong đó, một nội dung quan trọng được xác định trong Kế hoạch hành động tiểu vùng là Sự hợp tác với ngành du lịch trong việc Bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục trong ngành du lịch.

Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch được sự chỉ đạo của Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT Việt Nam, với sự giúp đỡ của Dự án liên minh các Tổ chức Liên hợp quốc về phòng, chống buôn bán người khu vực tiểu vùng sông Mekong (UNIAP) và Tổ chức cứu trợ trẻ em Anh (SCUK) tiến hành thu thập, biên soạn và giới thiệu với các đồng chí một cách hệ thống những nội dung liên quan về hoạt động phòng, chống buôn bán người nói chung và sự hợp tác Bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục trong ngành du lịch nói riêng.

Chúng tôi mong muốn rằng, qua lớp tập huấn này các đồng chí có một kiến thức phù hợp về vấn đề phòng, chống buôn bán người và bóc lột tình dục trẻ em trong du lịch, và mỗi chúng ta sẽ tiếp tục góp phần phổ biến, tuyên truyền về hoạt động này trong ngành du lịch, thực sự tham gia vào tiến trình COMMIT, và hơn nữa là làm cho ngành du lịch Việt Nam đúng là một ngành “công nghiệp sạch”, phát triển bền vững.

Những nội dung cơ bản được giới thiệu gồm:

Phần 1. Giới thiệu về tiến trình COMMIT

Phần 2. Thành tựu phát triển du lịch Việt Nam, nguy cơ và thách thức

Phần 3. Sự Hợp tác của ngành du lịch “Bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục trong du lịch”.

Đồng thời với những nội dung cơ bản được trình bày ở đây, được sự đồng ý của Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT Việt Nam, chúng tôi cũng xin giới thiệu với các đồng chí một số tài liệu tham khảo sau:

1. Bộ Tài liệu tập huấn liên ngành về phòng, chống buôn bán người. Nhà xuất bản Công an Nhân dân 2008.

2. Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em và các văn bản chỉ đạo. Nhà xuất bản Công an Nhân dân 2006.

3. Hệ thống các văn bản pháp luật Việt Nam về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em. Nhà xuất bản Công an Nhân dân 2006.

Trân trọng./.

PHẦN I

GIỚI THIỆU VỀ CHƯƠNG TRÌNH 130/CP VÀ TIẾN TRÌNH COMMIT

- **Tổng quan về chương trình 130/CP;**
- **Tiến trình COMMIT là gì ?**
- **Mục tiêu hoạt động của COMMIT;**
- **Ban chỉ đạo quốc gia COMMIT;**
- **Hội nghị quan chức cấp cao (SOM);**
- **Văn kiện Ghi nhớ;**
- **Kế hoạch Hành động tiểu vùng.**

Tổng quan về Chương trình 130/CP

Buôn bán người là gì?

a. « Buôn bán người » được hiểu là việc tuyển mộ, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp và nhận người nhằm mục đích bóc lột bằng cách đe dọa, sử dụng bạo lực hay các hình thức ép buộc, bắt cóc, lừa gạt, man trá, lạm dụng quyền lực hoặc vị thế để bị tổn thương hay bằng việc cho hoặc nhận tiền hay lợi nhuận để đạt được sự đồng ý của một người kiểm soát đối với những người khác vì mục đích bóc lột.

Hành vi bóc lột ở đây ít nhất là bao gồm bóc lột vì mục đích mại dâm hoặc các hành vi bóc lột tình dục khác, các hình thức lao động hay dịch vụ cưỡng bức, nô lệ hay những hình thức tương tự nô lệ, khổ sai hay lấy các bộ phận cơ thể.

b. Việc một nạn nhân của việc buôn bán người chấp nhận sự bóc lột có chủ ý được nêu tại khoản a trên đây sẽ không được tính đến nếu bất kỳ một cách thức nào nêu trong khoản a đã được sử dụng.

c. Việc tuyển dụng, vận chuyển, chuyển giao, chứa chấp hay nhận trẻ em nhằm mục đích bóc lột sẽ bị coi là buôn bán người ngay cả khi việc này được thực hiện không cần dùng đến bất kỳ một cách thức nào được nói tại khoản a trên đây.

d. Trẻ em có nghĩa là bất kỳ người nào dưới 18 tuổi.

Đây là khái niệm buôn bán người theo quy định của pháp luật quốc tế (Điều 3 Nghị định thư bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức ...- Nghị định thư chống buôn bán người). Theo quy định pháp luật Việt Nam, trẻ em là người dưới 16 tuổi.

Việt Nam được xác định là một trong những địa bàn có xảy ra nhiều hoạt động của loại tội phạm này. Chính phủ đã ra Quyết định 130/CP ngày 14/7/2004 phê duyệt Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em từ năm 2004 đến năm 2010 với mục tiêu tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong các cấp, các ngành, đoàn thể và toàn xã hội về công tác phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em nhằm phòng ngừa, ngăn chặn và giảm cơ bản vào năm 2010 tình trạng phụ nữ và trẻ em bị buôn bán.

Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 187/2004/QĐ-TTg ngày 29/10/2004 thành lập Ban chỉ đạo Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em gồm 16 thành viên do Phó Thủ tướng Chính phủ Phạm Gia Khiêm làm Trưởng ban.

Ngày 30/11/2005, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định 312/2005/QĐ-TTg phê duyệt 4 Đề án của Chương trình gồm :

- Đề án 1. Tuyên truyền, giáo dục trong cộng đồng về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

- Đề án 2. Đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.
- Đề án 3. Tiếp nhận và hỗ trợ những phụ nữ, trẻ em là nạn nhân bị buôn bán từ nước ngoài trở về.

- Đề án 4. Xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật liên quan đến công tác phòng ngừa, đấu tranh chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Kết thúc giai đoạn I (2004-2006), Chính phủ đã tổ chức sơ kết.

Ngày 27/6/2007, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Chỉ thị 16/2007/CT-TTg về việc tăng cường thực hiện Chương trình hành động phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ có 7 chủ trương, biện pháp lớn cần tập trung chỉ đạo trong đó xác định phòng chống buôn bán phụ nữ, trẻ em là một nhiệm vụ chính trị quan trọng, địa phương nào để xảy ra nhiều phụ nữ, trẻ em bị buôn bán ra nước ngoài thì Chủ tịch UBND phải chịu trách nhiệm trước Thủ tướng Chính phủ.

Hoạt động của Chương trình 130/CP trong thời gian vừa qua đã phát huy hiệu quả, thu được những thành tựu quan trọng giữ vững trật tự trị an trong nước và góp phần đấu tranh với loại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia. Đây là một trong những hoạt động của Chính phủ Việt Nam được các tổ chức quốc tế đánh giá cao. Một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Ban chỉ đạo 130/CP của Chính phủ là chỉ đạo các hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực có liên quan đến công tác phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em.

Tiến trình COMMIT là gì?

Sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng phòng chống buôn bán người tiểu vùng sông Mekong (gọi tắt là COMMIT) được Chính phủ các nước tiểu vùng sông Mekong gồm Việt Nam, Thái Lan, Lào, Campuchia, Myanmar, Trung Quốc khởi xướng từ cuối năm 2003. Trọng tâm ban đầu của tiến trình COMMIT là xây dựng một thoả thuận vùng về phòng chống buôn bán người.

Tiến trình COMMIT được xây dựng với mong muốn là:

- COMMIT tập hợp các đại diện cấp cao của 6 nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng là một diễn đàn đối thoại chính sách cấp cao trong khu vực về một vấn đề;

- COMMIT là cách tiếp cận đa ngành, liên quan đến tất cả mọi lĩnh vực;

- COMMIT bắt nguồn từ việc các chính phủ mỗi nước tự vận động trước dựa trên công tác phân tích tình hình của chính nước mình- đến việc xây dựng một tiến trình tiểu vùng. Đó là quyền sở hữu quốc gia;

- COMMIT lấy trọng tâm vùng làm mục tiêu. Lý do là trong khi đã có một số sáng kiến khác ở khu vực Châu Á Thái Bình Dương, thì việc có nhiều nước tham gia đã làm cho tiến trình khó có thể theo đúng được tiến độ đề ra. Việc chỉ tập hợp 6 nước trong tiểu vùng sông Mekong đã làm cho nó không chỉ có một quy mô phù hợp để có thể quản lý được mà còn rất phù hợp với thực tế của hiện tượng buôn bán người, khi một số luồng di chuyển buôn bán người khác biệt đã có ảnh hưởng đến hai hoặc nhiều nước trong tiểu vùng.

- COMMIT tập trung toàn diện và cụ thể về buôn bán người, bao gồm cả buôn bán phụ nữ, trẻ em và nam giới và giải quyết mọi vấn đề đến cùng. Trong đó vấn đề lạm dụng tình dục trẻ em trong du lịch là một dạng của buôn bán người.

Mục tiêu hoạt động của COMMIT là nhằm:

- Thúc đẩy và tăng cường các hệ thống và cơ chế hợp tác khu vực và đa quốc gia về phòng, chống buôn bán người;

- Xây dựng một kế hoạch ứng phó cấp vùng, bao gồm các khía cạnh của vấn đề buôn bán người và bảo đảm những khó khăn, lo lắng dành cho nạn nhân là trung tâm của mọi can thiệp;

- Xác định và áp dụng các mô hình điểm ở mỗi nước vào một nước khác nếu thấy phù hợp;

- Nâng cao năng lực quốc gia giải quyết vấn đề buôn bán người nhằm tạo điều kiện cho việc tham gia của các nước trong vùng, dựa trên điểm mạnh của mỗi nước.

Thống nhất với những mục tiêu ban đầu, tiến trình COMMIT đã bắt đầu bằng một loạt các thảo luận không chính thức giữa đại diện của các chính phủ thuộc các nước tiểu vùng sông Mekong. Chính phủ của tất cả các nước đều ủng hộ tiến trình này và ngay sau đó đã thành lập Ban Chỉ đạo quốc gia ở mỗi nước nhằm đưa tiến trình này đi tiếp. Ban Chỉ đạo quốc gia của mỗi nước có quyền đại diện cho chính phủ trong tiến trình COMMIT, là những người ra quyết định chính của tiến trình COMMIT.

Ban chỉ đạo quốc gia COMMIT Việt Nam

Tại Việt Nam, căn cứ vào ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 392/VPCP-QHQT ngày 20/5/2004 về việc Hội nghị tư vấn cấp Bộ trưởng các nước tiểu vùng sông Mekong về phòng, chống buôn bán người, Ban chỉ đạo COMMIT Việt Nam đã chính thức được thành lập theo Quyết định số 637/QĐ-BCA(C11) ngày 06/6/2004 của Bộ trưởng Bộ Công an.

Ban Chỉ đạo COMMIT có nhiệm vụ xây dựng báo cáo tổng quan về phòng, chống buôn bán phụ nữ, trẻ em và rà soát nội dung của Văn kiện ghi nhớ, Kế hoạch hành động tiểu vùng và quyết định về việc cử đại diện tại các cuộc họp các quan chức cấp cao (SOM).

Hội nghị quan chức cấp cao (SOM)

Những Hội nghị quan chức cấp cao (SOM) đại diện các nước tiểu vùng sông Mekong đã xây dựng và thông qua được các Văn kiện ghi nhớ và Kế hoạch hành động tiểu vùng về phòng, chống buôn bán người; cụ thể :

SOM 1. Hội nghị quan chức cao cấp lần 1 các nước tiểu vùng sông Mekong về phòng, chống buôn bán người diễn ra tại Bangkok – Thái Lan từ ngày 28/7 đến 30/7/2004.

Tham dự Hội nghị có 60 đại biểu đến từ 6 nước tiểu vùng sông Mekong và đại diện các tổ chức Liên hợp quốc. Tại Hội nghị đã thông qua báo cáo tổng quan của các nước và thảo luận về phòng, chống buôn bán người. Đặc biệt, tại Hội nghị đã xây dựng và thảo luận kỹ Văn kiện Ghi nhớ về hợp tác phòng, chống buôn bán người khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng.

SOM 2. Hội nghị quan chức cấp cao (SOM 2) và Hội nghị phối hợp cấp Bộ trưởng của các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng về phòng chống buôn bán người diễn ra tại Yangon – Myanmar từ ngày 27/10 đến 29/10/2004.

Tham dự Hội nghị có 90 đại biểu đại diện của 6 nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng, đại diện của các tổ chức quốc tế. Tại Hội nghị đã hoàn thiện nội dung Văn kiện Ghi nhớ đề trình ký tại hội nghị COMMIT và tiến hành thảo luận, xây dựng Kế hoạch hành động tiểu vùng bao gồm những nội dung:

- Xây dựng chính sách và hợp tác;
- Tạo dựng khuôn khổ pháp lý, hành pháp và tư pháp;
- Bảo vệ, phục hồi và tái hoà nhập cho nạn nhân;
- Các biện pháp phòng ngừa;
- Cơ chế thực hiện, giám sát và đánh giá việc thực hiện Văn kiện Ghi nhớ.

Từ đó, SOM 2 đã đưa ra các hình thức hoạt động cụ thể như:

+ Tổ chức hội nghị, hội thảo để trao đổi kinh nghiệm về soạn thảo và triển khai các hiệp định song phương, đa phương về phòng, chống buôn bán người;

+ Đào tạo cán bộ hành pháp có trình độ về : pháp luật, điều tra, truy tố và xét xử tội phạm về buôn bán người;

+ Tổ chức hội thảo để trao đổi kinh nghiệm và kỹ năng về hợp tác giữa các tổ chức trong đấu tranh phòng, chống tội phạm buôn bán người như: Hợp tác giữa các cơ quan hành pháp với các cơ quan khác của chính phủ, với các tổ chức phi chính phủ trong hoạt động hỗ trợ nạn nhân;

+ Tổ chức hội nghị bàn về thủ tục hồi hương nạn nhân bao gồm cả việc xây dựng hướng dẫn chung.

Đồng thời, tại Hội nghị, các nước thành viên cũng đã thống nhất duy trì hoạt động của Ban chỉ đạo liên ngành của các quốc gia (COMMIT Task Force) và đề ra kế hoạch chuẩn bị xây dựng chức năng, nhiệm vụ của SOM, đề ra lịch trình thực hiện Kế hoạch hành động tiểu vùng và hoạt động giám sát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch đó.

Ngay sau SOM 2, Hội nghị phối hợp cấp Bộ trưởng của 6 nước thành viên đã thông qua, ký kết Văn kiện Ghi nhớ, các Bộ trưởng thay mặt Chính phủ các nước đã cam kết và tuyên bố sẽ thực hiện các nội dung đã được ghi trong Văn kiện Ghi nhớ.

SOM 3. Hội nghị quan chức cấp cao các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng về phòng, chống buôn bán người lần 3 diễn ra tại Hà Nội - Việt Nam từ ngày 29/3 đến 31/3/2005.

Tham dự Hội nghị có 123 đại biểu đến từ các nước thành viên và đại diện các tổ chức quốc tế, các nhà tài trợ và đại biểu các Bộ, ngành của Việt Nam. Tại Hội nghị đã tập trung thảo luận vào nội dung các Văn kiện như: Kế hoạch hành động, Quy chế hoạt động của các Hội nghị quan chức cấp cao (SOM). Kết quả của Hội nghị đã thông qua Quy chế hoạt động của Hội nghị quan chức cấp cao (SOM), nhất trí về nguyên tắc và phương thức hoạt động trong tiến trình COMMIT và hoàn chỉnh Kế hoạch hành động tiểu vùng để các nước thông qua và triển khai thực hiện.

Như vậy, chúng ta có thể thấy, cơ sở cho những sự tham gia hoạt động chủ yếu của các cơ quan chính phủ tại mỗi nước một cách cụ thể nhất vào tiến trình COMMIT chính là việc triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tiểu vùng.

Văn kiện Ghi nhớ

Văn kiện Ghi nhớ COMMIT được xem là một mô hình đầy tiềm năng cho các thoả thuận tương tự trên phạm vi toàn thế giới. Đó là một tài liệu đầy tham vọng, bao gồm một lời tựa chi tiết cùng 34 cam kết cụ thể trong các lĩnh vực: chính sách và hợp tác, các biện pháp phòng ngừa, khuôn khổ pháp luật, thi hành luật pháp và tư pháp, phục hồi và tái hoà nhập; và các cơ chế thực hiện, giám sát và đánh giá. Những nét tiêu biểu của Văn kiện Ghi nhớ bao gồm:

Một định nghĩa rõ ràng về buôn bán người dựa trên Nghị định thư Liên hợp quốc về buôn bán người, bao gồm phụ nữ, trẻ em và nam giới, và mọi hình thức buôn bán người;

Dựa trên nền tảng và các chuẩn mực quốc tế bao gồm các Công ước quốc tế và các nguyên tắc khuyến nghị và Hướng dẫn về quyền con người và buôn bán người của Liên hợp quốc;

Nhấn mạnh tầm quan trọng của các kế hoạch ứng phó đa ngành;

Những cam kết toàn diện bao gồm các vấn đề «câu» cũng như «cung»;

Tóm lược tầm quan trọng của cách tiếp cận «lấy nạn nhân làm trung tâm» xuất phát từ việc hiểu buôn bán người chính là vi phạm các quyền con người;

Công nhận những bộ phận dân bị gạt ra ngoài lề xã hội dễ gặp những tổn thương đặc biệt cần được quan tâm;

Nêu bật tầm quan trọng của các cơ chế và tăng cường hướng dẫn cho công tác nhận dạng nạn nhân, và mối quan hệ giữa nhận dạng và đối xử với nạn nhân tốt hơn và công tác thực thi pháp luật hiệu quả hơn;

Nhấn mạnh vai trò của các chính sách về di cư (kể cả các thoả thuận về di cư song phương) trong công tác phòng, chống buôn bán người;

Xác nhận nhu cầu cần tăng cường các nỗ lực trong việc áp dụng các điều luật về lao động, và giám sát các văn phòng tuyển dụng lao động.

(Phụ lục 1. Văn kiện Ghi nhớ về Hợp tác phòng, chống buôn bán người khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng)

Kế hoạch Hành động tiểu vùng

Kế hoạch hành động tiểu vùng có nhiệm vụ biến các cam kết trong Văn kiện Ghi nhớ thành hành động. Kế hoạch này không có ý định thay đổi hoặc sao chép các quy trình lập kế hoạch quốc gia mà là bổ sung vào quy trình này dựa trên, và khi nào có thể thì hỗ trợ, các kế hoạch ứng phó của chính phủ. Chính vì lẽ đó, kế hoạch này tập trung trước tiên vào các hoạt động mang tính chất khu vực hoặc xuyên biên giới, đồng thời mang lại những cơ hội học hỏi kinh nghiệm, thành công và các bài học rút ra ở cấp quốc gia. Kế hoạch hành động tiểu vùng là một tài liệu đầy tham vọng, và các bên tham gia đều nhận thấy rằng sẽ không thể hoàn thành được mọi hoạt động này trong vòng ba năm, nhất là khi các nước đều có nhu cầu cân đối các ưu tiên quốc gia và khu vực.

Tại Hội nghị bàn Kế hoạch chiến lược cần ưu tiên trong thực hiện tiến trình COMMIT của đại diện 6 nước thành viên COMMIT diễn ra vào tháng 8/2006 tại Viên-Chăn, CHDCND Lào đã đưa ra những hoạt động ưu tiên trong Kế hoạch hành động tiểu vùng.

Đến Hội nghị SOM 5 diễn ra tại Bắc Kinh, Trung Quốc tháng 12/2007, quan chức cấp cao 6 nước đã thống nhất Kế hoạch hành động tiểu vùng giai đoạn 2008-2010 gồm 8 Ý tưởng dự án như sau :

- YTDA 1- Đào tạo, nâng cao năng lực cho quan chức Chính phủ
- YTDA 2- Phối hợp thực hiện chương trình quốc gia
- YTDA 3- Quan hệ hợp tác song phương và đa phương
- YTDA 4- Khung pháp lý, Hành pháp và Tư pháp
- YTDA 5- Xác định nạn nhân bảo vệ, hồi hương, tái hòa nhập
- YTDA 6- Các biện pháp phòng ngừa
- YTDA 7- Hợp tác với ngành du lịch
- YTDA 8- Công tác quản lý, điều phối, giám sát, đánh giá

Đặc biệt, tại Hội nghị, đại diện Chính phủ Hoàng gia Thái Lan đã đặt ưu tiên cho Ý tưởng Dự án 9 «*Hợp tác với ngành Du lịch*» là một hoạt động trong danh sách ưu tiên của mình.

Cũng chính thức từ thời điểm này, ngành Du lịch đã tham gia tích cực vào những hoạt động của tiến trình COMMIT.

(Phụ lục 2. Khung kế hoạch hành động tiểu vùng của tiến trình COMMIT)

VĂN KIẾN GHI NHỚ
Về hợp tác phòng, chống buôn bán người
khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng
(bản dịch)

Chúng tôi, đại diện cho các Chính phủ Vương quốc Campuchia, Cộng hoà nhân dân Trung Hoa, Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào, Liên bang Myanmar, Vương quốc Thái Lan và Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam:

Quan tâm sâu sắc tới những nỗi đau khổ do ảnh hưởng ngày càng gia tăng của vấn nạn buôn bán người trong khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS) và từ các nước này tới các khu vực khác trên thế giới;

Khẳng định rằng hoàn toàn không thể chấp nhận được việc con người bị đem ra trao đổi, mua bán, sang nhượng, bị bắt cóc và bóc lột, do đó bị gạt bỏ mọi quyền cơ bản nhất của mình;

Thừa nhận là đói nghèo, thất học và bất bình đẳng kể cả bất bình đẳng về cơ hội làm cho con người dễ lâm vào tình thế bị buôn bán;

Thừa nhận thêm mối quan hệ giữa nạn buôn bán người với nhu cầu ngày càng tăng về các dịch vụ bóc lột lao động và bóc lột tình dục;

Ghi nhận thái độ, thực tiễn và các chính sách có tính phân biệt đối xử về giới, tuổi tác, dân tộc, sắc tộc và phân hoá xã hội làm cho việc buôn bán người ngày càng gia tăng;

Nhấn mạnh là những trẻ em và phụ nữ trở thành nạn nhân bị buôn bán thường rất dễ bị tổn thương và cần có những biện pháp đặc biệt để bảo đảm việc bảo vệ họ và để họ sống sót;

Lo ngại về sự tham gia của các thành viên trong cộng đồng và các nhóm tội phạm có tổ chức vào hoạt động buôn bán người;

Xác nhận sự cần thiết phải củng cố các hoạt động tư pháp hình sự để đấu tranh phòng chống buôn bán người nhằm bảo vệ công lý cho những nạn nhân bị buôn bán và chấm dứt việc bỏ qua, không trừng trị bọn buôn người và những kẻ khác trục lợi từ hoạt động phạm tội này;

Công nhận tầm quan trọng của những hình phạt thích đáng và có hiệu quả đối với những kẻ buôn bán người, kể cả quy định về việc phong toả và tịch thu tài sản của chúng, và số tiền thu được sẽ được sử dụng vì lợi ích của những nạn nhân bị buôn bán;

Nhận thức được sự đóng góp quan trọng (trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện) của những người thoát ra khỏi nạn buôn người vào việc xây dựng, tiến hành và đánh giá những hoạt động phòng chống buôn bán người và bảo đảm việc truy tố những kẻ buôn người;

Xác nhận vai trò quan trọng của các tổ chức hỗ trợ, giúp đỡ nạn nhân trong các lĩnh vực phòng ngừa, bảo vệ, truy tố, giải cứu, hồi hương, phục hồi và tái hoà nhập cũng như trong việc hỗ trợ củng cố các hoạt động về tư pháp hình sự;

Xác nhận rằng qua đây Chính phủ mỗi nước cam kết sẽ thực hiện các bước một cách độc lập hay thông qua trợ giúp và hợp tác quốc tế, sử dụng tối đa các nguồn lực sẵn có, với mong muốn sẽ thực hiện được đầy đủ các cam kết theo đúng tiến độ như đã công nhận trong Biên bản Ghi nhớ này bằng tất cả các biện pháp phù hợp;

Nhắc lại tuyên ngôn quốc tế về nhân quyền, đặc biệt là Điều 4 có nêu rằng “Không ai có thể bị bắt giữ làm nô lệ hoặc bị cưỡng ép làm nô lệ; tình trạng nô lệ và việc buôn bán, chiếm hữu nô lệ bị cấm dưới mọi hình thức”;

Tuyên dương các quốc gia trong tiểu vùng sông Mekong mở rộng đã phê chuẩn và/hoặc tham gia các văn kiện pháp lý quốc tế cơ bản liên quan đến phòng, chống buôn bán người và bóc lột, lạm dụng có liên quan đến buôn bán người, bao gồm các văn kiện sau:

- Công ước của Liên hợp quốc về phòng chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Nghị định thư bổ sung về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em;

- Công ước của Liên hợp quốc về xoá bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử đối với phụ nữ (Công ước CEDAW);

- Công ước của Liên hợp quốc về quyền trẻ em (CRC) và các Nghị định không bắt buộc kèm theo về buôn bán, mại dâm và khiêu dâm trẻ em, và về sự tham gia của trẻ em trong xung đột quân sự;

- Công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về lao động cưỡng bức (số 29 và 105);

- Công ước của Tổ chức Lao động quốc tế (Công ước 182) về nghiêm cấm và hành động để xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất;

và khuyến khích các quốc gia còn đứng ngoài nên tham gia các văn kiện pháp lý này vào thời gian sớm nhất có thể;

Khẳng định tầm quan trọng của Các nguyên tắc và Hướng dẫn khuyến nghị về nhân quyền và về Chống buôn bán người của Liên hợp quốc trong báo cáo của Cao uỷ Liên hợp quốc về nhân quyền (UNHCHR-2000) gửi tới Hội đồng kinh tế xã hội Liên hợp quốc;

Khẳng định những sáng kiến và các cam kết cấp khu vực hiện có về phòng, chống buôn bán người;

Hoan nghênh Biên bản Ghi nhớ hợp tác song phương đi đầu giữa Thái Lan và Campuchia trong việc xoá bỏ buôn bán trẻ em và phụ nữ và hỗ trợ nạn nhân bị buôn bán (2003) và những cố gắng để xây dựng các thoả thuận song phương tương tự về phòng, chống buôn bán người trong các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng;

Nhấn mạnh tầm quan trọng của các thoả thuận song phương như các Biên bản Ghi nhớ về Hợp tác lao động giữa Thái Lan và Campuchia, Lào và Myanmar, trong việc thúc đẩy di cư an toàn, có trật tự và đúng quy định vì điều này làm

giảm nhu cầu về các dịch vụ di cư trái phép là những dịch vụ tạo ra cơ hội thuận lợi cho bọn buôn bán người;

Hoàn toàn tin tưởng rằng Văn kiện Ghi nhớ này phản ánh nguyện vọng chính trị của Chính phủ chúng tôi trong việc phối hợp chống lại nạn buôn bán người; và

Kêu gọi tất cả các nước ngoài khu vực tiểu vùng sông Mekong hợp tác với chúng tôi trong cuộc chiến chống nạn buôn bán người;

Qua đây chúng tôi xin tuyên bố và cam kết:

I. TRONG LĨNH VỰC CHÍNH SÁCH VÀ HỢP TÁC (TRONG NƯỚC VÀ QUỐC TẾ)

1. Khuyến khích sử dụng khái niệm về buôn bán người trong Nghị định thư về phòng ngừa, trấn áp và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, bổ sung cho Công ước của Liên hợp quốc về chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia;

2. Xây dựng Chương trình hành động quốc gia chống nạn buôn bán người dưới mọi hình thức;

3. Hướng tới việc thành lập và củng cố một Ủy ban quốc gia liên ngành chống buôn bán người với nhiệm vụ phối hợp thực hiện Chương trình hành động quốc gia và những hoạt động khác phòng, chống buôn bán người;

4. Thiết lập các cơ chế để tăng cường hợp tác khu vực và chia sẻ thông tin, và thiết lập một đơn vị đầu mối trong nước về phòng, chống buôn bán người;

5. Nâng cao hợp tác khu vực phòng, chống buôn bán người, đặc biệt là thông qua các thoả thuận song phương và đa phương; và

6. Tăng cường hợp tác giữa Chính phủ các nước với các tổ chức quốc tế và các tổ chức phi chính phủ trong việc phòng, chống buôn bán người.

II. TRONG LĨNH VỰC XÂY DỰNG, THỰC THI PHÁP LUẬT VÀ HOẠT ĐỘNG TƯ PHÁP

7. Thông qua và đảm bảo thực hiện sớm nhất có thể, pháp luật về phòng, chống buôn bán người;

8. Đưa ra những hướng dẫn thích hợp và tập huấn cho các cán bộ có liên quan, giúp xác định nhanh và chính xác các nạn nhân bị buôn bán và hoàn thiện quá trình điều tra, truy tố và xét xử;

9. Điều tra, bắt giữ, truy tố và trừng trị bọn buôn bán người theo luật pháp quốc gia;

10. Hỗ trợ cho nạn nhân về pháp lý và các thông tin bằng ngôn ngữ mà họ hiểu được;

11. Xây dựng, phát triển quan hệ hợp tác một cách thực tế, có hiệu quả trong hệ thống tư pháp hình sự để loại bỏ việc không trừng trị bọn buôn bán người và đem lại công lý cho các nạn nhân;

12. Tăng cường hợp tác qua biên giới trong thực thi pháp luật giữa 6 quốc gia tiểu vùng sông Mekong nhằm đấu tranh phòng, chống buôn bán người thông qua hoạt động tư pháp hình sự; và

13. Cung cấp kinh phí và nguồn nhân lực cần thiết cho các hoạt động phòng, chống buôn bán người cho các cơ quan thực thi pháp luật trong nước;

14. Thúc đẩy các thoả thuận song phương và đa phương giữa các nước trong tiểu vùng sông Mekong để giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động tư pháp.

III. TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ, PHỤC HỒI VÀ TÁI HOÀ NHẬP

15. Tăng cường xem xét các khía cạnh nhạy cảm về giới và trẻ em trong các hoạt động liên quan tới các nạn nhân bị buôn bán;

16. Đảm bảo những người được xác định là nạn nhân không bị các lực lượng thi hành pháp luật giam giữ;

17. Cung cấp cho tất cả các nạn nhân bị buôn bán nơi tạm trú và những hỗ trợ cần thiết về y tế, giáo dục, pháp lý, thể chất và tâm lý xã hội;

18. Áp dụng các chính sách và cơ chế bảo vệ và hỗ trợ những người là nạn nhân bị buôn bán;

19. Tăng cường năng lực cho các Đại sứ quán và Lãnh sự quán để đảm bảo cho các cơ quan này có thể hỗ trợ có hiệu quả hơn cho các nạn nhân bị buôn bán;

20. Đảm bảo hợp tác qua biên giới trong việc đưa các nạn nhân bị buôn bán trở về an toàn, kể cả việc hỗ trợ cho họ sống tốt; và

21. Phối hợp để tạo điều kiện cho các nạn nhân bị buôn bán được phục hồi và tái hoà nhập thành công và không để họ bị tái buôn bán.

IV. TRONG LĨNH VỰC CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

22. Áp dụng các biện pháp làm giảm khả năng dễ bị buôn bán bao gồm: Hỗ trợ cho các chương trình xoá đói, giảm nghèo; tăng cường các cơ hội về kinh tế; đảm bảo việc tiếp cận với giáo dục có chất lượng và đào tạo kỹ năng; cung cấp các giấy tờ pháp lý cá nhân cần thiết; bao gồm cả đăng ký khai sinh;

23. Hỗ trợ xây dựng mạng lưới bảo vệ và giám sát ở cộng đồng nhằm sớm phát hiện và can thiệp đối với những người thuộc nhóm có nguy cơ cao;

24. Nâng cao nhận thức của cộng đồng ở các cấp, bao gồm việc thông qua các chiến dịch truyền thông, cả về mối nguy hiểm và tác hại của nạn buôn bán người, cũng như về những hỗ trợ sẵn có cho các nạn nhân;

25. Áp dụng luật lao động quốc gia để bảo vệ quyền lợi của người lao động dựa trên các nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử;

26. Khuyến khích các nước là điểm đến, kể cả các nước nằm ngoài khu vực tiểu vùng sông Mekong, thực thi có hiệu quả luật pháp trong nước có liên quan làm giảm bớt việc chấp nhận bóc lột người, tiếp tay cho nhu cầu ngày càng tăng về sử dụng lao động là các nạn nhân bị buôn bán và ngăn chặn tội phạm buôn bán phụ nữ trẻ em thông qua hợp tác tương trợ; và

27. Tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân, đặc biệt là các ngành giải trí và du lịch, để các ngành này tham gia tích cực vào cuộc chiến phòng chống buôn bán người;

V. TRONG LĨNH VỰC CƠ CHẾ THỰC HIỆN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN VẤN KIẾN GHI NHỚ

28. Xây dựng một Kế hoạch hành động phòng chống buôn bán người cấp tiểu vùng giai đoạn đầu 2005-2007 và áp dụng mọi nỗ lực cần thiết để thực hiện đầy đủ kế hoạch này;

29. Xây dựng quy trình thu thập và phân tích thông tin, dữ liệu về các vụ án buôn bán người và đảm bảo các chiến lược phòng, chống buôn bán người được

xây dựng trên cơ sở những nghiên cứu, kinh nghiệm và phân tích mới nhất và chính xác;

30. Thiết lập một hệ thống giám sát việc thực hiện Kế hoạch hành động, đánh giá đúng thực trạng và nỗ lực của mỗi quốc gia trong quá trình thực hiện các cam kết, ít nhất là có các cuộc họp quan chức cao cấp thường niên;

31. Sơ kết việc thực hiện Kế hoạch hành động kỳ trước và thông qua Chương trình hành động cấp tiểu vùng kỳ tiếp theo qua cuộc họp cấp Bộ trưởng các nước trong tiểu vùng vào cuối năm 2007;

32. Thành lập Ban chỉ đạo liên ngành quốc gia để phối hợp với Ban thư ký của COMMIT (Dự án liên minh các tổ chức của Liên hợp quốc về phòng, chống buôn bán người ở các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng) và các đối tác khác;

33. Kêu gọi các nguồn tài trợ từ các quốc gia cũng như các tổ chức Liên hợp quốc có liên quan, các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân hỗ trợ về tài chính, vật chất và kỹ thuật để giúp các nước tiểu vùng sông Mekong nỗ lực đấu tranh phòng, chống buôn bán người, bao gồm cả việc thực hiện Văn kiện Ghi nhớ này và Chương trình hành động sắp tới; và

34. Xác định rằng Văn kiện Ghi nhớ này vẫn có thể được điều chỉnh trong tương lai, Chính phủ các nước đưa ra quy trình sau để chỉnh sửa Văn kiện Ghi nhớ này: (1) nếu 4 trong 6 quốc gia đã ký dưới đây cho rằng Văn kiện ghi nhớ này cần được chỉnh sửa và thông báo bằng văn bản cho Ban thư ký, Ban thư ký sẽ tiến hành một quy trình tham vấn theo cách thức thuận tiện cho các bên; (2) mục đích của quy trình đó là đề xuất những thay đổi cho Văn kiện Ghi nhớ; (3) bất kỳ thay đổi nào đối với Văn kiện ghi nhớ đều phải có sự đồng thuận của cả 6 quốc gia, và việc chấp thuận của Chính phủ mỗi nước sẽ được gửi tới Ban thư ký bằng văn bản./.

**SÁNG KIẾN PHỐI HỢP CẤP BỘ TRƯỞNG CHỐNG BUÔN BÁN
NGƯỜI CÁC NƯỚC TIỂU VÙNG SÔNG MEKONG (COMMIT)
KHUNG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG TIỂU VÙNG GỒM 7 LĨNH VỰC
HỢP TÁC VÀ 18 ĐẦU MỐI
HOẠT ĐỘNG**

*(Đã nhất trí trong Hội nghị quan chức cấp cao lần 2
SOM 2, ngày 28/10/2004 tại Yangon, Myanmar và được điều chỉnh tại
Hội nghị cấp Bộ trưởng 6 nước tiểu vùng sông Mê Kông họp tháng 12/2007 tại
Bắc Kinh, Trung quốc)
(Bản dịch)*

I. CHÍNH SÁCH VÀ HỢP TÁC

***Lĩnh vực 1: Xây dựng các cơ chế để tăng cường hợp tác trong khu vực
gồm các thửa thuận song phương và các hệ thống trao đổi thông tin***

Hoạt động:

1. Hội thảo về các cơ chế và hệ thống trao đổi thông tin và thu thập dữ liệu;
2. Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về xây dựng và thực hiện các hiệp định chống buôn bán người song phương/đa phương.

***Lĩnh vực 2: Xây dựng một chương trình đào tạo của khu vực về chống
buôn bán người cho cán bộ hoạt động trong lĩnh vực này***

Hoạt động:

3. Tiến hành đánh giá nhu cầu đào tạo cấp khu vực;
4. Tập huấn về xây dựng và triển khai Kế hoạch Hành động quốc gia;
5. Xây dựng cơ chế đào tạo cấp khu vực để tăng cường năng lực cho cán bộ chuyên trách về chống buôn bán người trong các lĩnh vực quan trọng mà các nước đã thống nhất dựa trên kết quả đánh giá nhu cầu đào tạo, bao gồm giáo trình, sách hướng dẫn và tài liệu.

II. KHUNG PHÁP LÝ, THỰC THI PHÁP LUẬT VÀ TƯ PHÁP

***Lĩnh vực 3: Hợp tác về điều tra và truy tố tội phạm buôn bán người kể
cả việc cùng đào tạo và xây dựng mạng lưới phối hợp xuyên biên giới về điều
tra và truy tố tội phạm***

Hoạt động:

6. Đào tạo cán bộ thực thi pháp luật về quy trình điều tra, truy tố cũng như các kiến thức về pháp luật liên quan của các nước;
7. Chia sẻ thông tin và tin tức tình báo về các vụ buôn bán người cũng như tội phạm buôn bán người;

8. Hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về tăng cường khung pháp lý kể cả các quy trình pháp lý giúp bảo vệ tốt hơn nạn nhân bị buôn bán và truy tố tội phạm buôn bán người;

9. Hội thảo khu vực để khảo sát cụ thể các hiệp định về thủ tục dẫn độ và tương trợ pháp lý về hình sự;

10. Hội thảo chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng trong hợp tác đa ngành giữa ngành tư pháp hình sự và các ban ngành chính phủ khác với các tổ chức phi chính phủ nhằm hỗ trợ cho các nạn nhân bị buôn bán.

III. BẢO VỆ, PHỤC HỒI VÀ TÁI HÒA NHẬP

Lĩnh vực 4: Xây dựng các hệ thống xác định nạn nhân có hiệu quả bao gồm cả tìm kiếm nạn nhân

Hoạt động:

11. Hội thảo về các tiêu chí và quy trình xác định nạn nhân;

12. Hội thảo khu vực nhằm xây dựng các cơ chế khả dĩ tìm kiếm nạn nhân.

Lĩnh vực 5: Tăng cường và củng cố các chương trình hồi hương và tái hòa nhập

5.1. Tăng cường các hệ thống hồi hương

5.2. Tạo điều kiện cho nạn nhân tái hòa nhập và ngăn ngừa không để họ bị tái buôn bán lại

5.3. Tăng cường các dịch vụ và hỗ trợ nạn nhân sau khi bị buôn bán trở về

Hoạt động:

13. Hội thảo khu vực về các quy trình hồi hương nạn nhân bao gồm cả xây dựng những hướng dẫn chung;

14. Hội thảo khu vực về tăng cường các dịch vụ và hỗ trợ các nạn nhân sau khi bị buôn bán trở về có xem xét cân nhắc đến ý kiến, quan điểm của những người là nạn nhân bị buôn bán nhằm tạo điều kiện cho nạn nhân tái hòa nhập thành công và ngăn chặn không để họ bị tái buôn bán lại;

15. Hội thảo với các tổ chức quốc tế và các nhà tài trợ nhằm khảo sát khai thác các phương thức cung cấp nguồn lực để giúp đỡ tốt hơn về kinh tế cho nạn nhân bị buôn bán phù hợp với hoàn cảnh điều kiện của mỗi nước.

IV. CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA

Lĩnh vực 6: Tăng cường hợp tác khu vực để ngăn ngừa và trấn áp các hoạt động môi bất hợp pháp/ hoặc nhằm mục đích bóc lột dẫn tới việc buôn người

Hoạt động:

16. Tập hợp và chia sẻ các thông tin về các tổ chức và cá nhân môi giới việc làm, hôn nhân và nhận con nuôi mà chính phủ có lý do để tin là có tham gia vào buôn bán người.

Lĩnh vực 7: Tăng cường hợp tác khu vực với ngành du lịch để ngăn ngừa và đấu tranh chống nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em

Hoạt động:

17. Hội thảo khu vực với ngành du lịch để ngăn ngừa và đấu tranh chống nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em.

V. CÁC CƠ CHẾ THEO DÕI, GIÁM SÁT, ĐÁNH GIÁ VÀ THỰC HIỆN VĂN KIẾN GHI NHỚ

Hoạt động:

18. Duy trì cơ cấu chuyên trách hiện tại (Ban chỉ đạo liên ngành quốc gia) ở mỗi nước và phối hợp với UNIAP triển khai các phần việc sau để hoàn tất trong hội nghị SOM 3:

- * Điều kiện tham chiếu cho các Hội nghị quan chức cấp cao
 - * Lịch biểu triển khai thực hiện kế hoạch Hành động
 - * Các hoạt động theo dõi giám sát và đánh giá việc thực hiện Kế hoạch Hành động có vai trò báo cáo của UNIAP.
-

PHẦN II

DU LỊCH VIỆT NAM, TIỀM NĂNG VÀ NHỮNG THÁCH THỨC

- **Giới thiệu về tiềm năng du lịch Việt Nam**
- **Những thành tựu, tốc độ phát triển**
- **Những nguy cơ, thách thức**
- **Điểm báo**

Giới thiệu về tiềm năng du lịch Việt nam

Đất nước Việt Nam trải dài từ Bắc đến Nam, là dải đất hình chữ S, chạy dài dọc theo bờ biển dài hơn 3000 km, có địa hình phong phú, bao gồm cả rừng, núi, biển, đồng bằng... Việt Nam có nhiều tiềm năng về du lịch, có nhiều bãi biển đẹp, như miền Bắc có Sầm Sơn (tỉnh Thanh Hóa), miền Trung có Cửa Lò (tỉnh Nghệ An), Lăng Cô (tỉnh Thừa Thiên Huế), Mỹ Khê (thành phố Đà Nẵng), Nha Trang (tỉnh Khánh Hòa), miền Nam có Mũi Né (Bình Thuận)... Ngoài tiềm năng về biển, Việt Nam đã phát hiện những hang động đẹp, được công nhận là di sản thiên nhiên thế giới như Vịnh Hạ Long (tỉnh Quảng Ninh), động Phong Nha Kẻ Bàng trong Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng (tỉnh Quảng Bình)... Ngoài ra, do đặc thù về địa hình, nên khu vực đồng bằng sông Cửu Long rất nổi tiếng với loại hình du lịch miệt vườn, sông nước, chợ nổi trên sông. Việt Nam còn có nhiều khu rừng quốc gia được nhà nước bảo vệ và định hướng phát triển du lịch sinh thái như rừng Cát Bà (Hải Phòng), rừng Cúc Phương (Ninh Bình), rừng Bạch Mã (Thừa Thiên Huế), rừng Cát Tiên (Đồng Nai)...

Bên cạnh đó, Việt Nam có một truyền thống lịch sử chống ngoại xâm oanh liệt. Hiện nay, chúng ta còn lưu giữ được rất nhiều những di tích để gọi nhớ lại một thời kỳ hào hùng của dân tộc như hầm tướng Đờ-cát-tơ-ri (Điện Biên), hang Pác Bó (Bắc Kạn), ATK Định Hóa (Thái Nguyên), đền Hùng (Phú Thọ), Khu di tích lịch sử Lam Kinh (Thanh Hóa), Khu di tích lịch sử Ngã ba Đồng Lộc (Hà Tĩnh), địa đạo Củ Chi (Hồ Chí Minh), nhà tù Côn Đảo (Bà Rịa-Vũng Tàu), Khu di tích lịch sử Túc Dục (An Giang)...

Bên cạnh một bề dày về truyền thống lịch sử, Việt Nam còn có một nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc, đó là sự giao thoa văn hóa của 54 dân tộc anh em cùng sinh sống trên lãnh thổ Việt Nam, mỗi dân tộc, mỗi vùng miền có một nền văn hóa đặc trưng riêng. Việt Nam phân chia thành 3 miền: Bắc, Trung, Nam, mỗi miền có giọng nói, phong cách sống, phong tục tập quán khác nhau.

Từ xa xưa, ông cha ta đã gây dựng, phát triển nhiều làng nghề truyền thống. Đến nay, nhiều làng nghề truyền thống trong số đó đã được khôi phục lại và phát triển mạnh mẽ như gỗ Đồng Kỵ, gốm Phù Lãng, làng tranh Đông Hồ (Bắc Ninh), gốm Bát Tràng, lụa Vạn Phúc (Hà Nội), chiếu Nga Sơn (Thanh Hóa), làng đá non nước (Đà Nẵng)... Các sản phẩm sản xuất tại các làng nghề đã thu hút được sự quan tâm đặc biệt của khách du lịch, đặc biệt là khách quốc tế, nhiều sản phẩm đã được xuất khẩu sang các nước châu Âu, châu Á...

Với phần đông người Việt Nam, văn hóa tâm linh là một phần không thể thiếu trong đời sống hàng ngày. Đa số người Việt Nam theo Phật giáo, nên trải dài từ Bắc tới Nam, rất nhiều ngôi đền, chùa, miếu được xây dựng để tỏ lòng biết ơn với những người có tài, có công với đất nước, với địa phương. Khách du lịch quốc tế rất thích tìm hiểu về văn hóa tâm linh của người Việt, vì vậy, chùa

Hương, Văn Miếu là một trong nhiều điểm du lịch về văn hóa tâm linh thu hút đông khách quốc tế.

Hiện nay, Việt Nam được tổ chức UNESCO công nhận 5 di sản văn hóa, là: Cố đô Huế, Di tích Mỹ Sơn, phố cổ Hội An, Nhã Nhạc Cung Đình Huế, Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên và 2 di sản thiên nhiên là Vịnh Hạ Long và Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng. Đây là một tiềm năng rất lớn để có chiến lược phù hợp khai thác, sử dụng để phát triển du lịch.

Hơn nữa, là một nước chủ nghĩa xã hội được lãnh đạo bởi Đảng Cộng sản, Việt Nam có chế độ chính trị ổn định. Khi tình hình thế giới có nhiều biến động, thiên tai, chiến tranh, bất ổn chính trị như hiện nay, thì Việt Nam đã và đang được coi là điểm đến an toàn và hấp dẫn cho khách du lịch. Khách du lịch quốc tế từ nhiều nước đã chọn Việt Nam là một trong những điểm dừng chân cho chuyến đi tham quan, nghỉ dưỡng.

Những thành tựu, tốc độ phát triển

Với những lợi thế đó, ngành Du lịch Việt Nam đang trên đà phát triển mạnh mẽ. Trong những năm qua, du lịch Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng khích lệ, trở thành một ngành kinh tế quan trọng của đất nước. Hiện nay, du lịch Việt Nam được đánh giá là nằm trong số nước có mức tăng trưởng cao. Thời gian qua, thế giới liên tiếp phải đối mặt với rất nhiều thiên tai, dịch bệnh như dịch sars, dịch cúm gia cầm, sóng thần, lũ lụt, sự tăng phi mã của giá cả hàng hóa,... Điều này có ảnh hưởng không nhỏ đến du lịch. Nhưng ngành du lịch Việt Nam vẫn đạt được sự tăng trưởng khá qua các năm. Năm 2005, thu nhập từ ngành du lịch là 30.000 tỷ đồng, năm 2006 là 51.000 tỷ đồng, năm 2007 là 56.000 tỷ đồng.

Nền kinh tế Việt Nam mấy năm gần đây đã đạt được mức tăng trưởng cao, đời sống nhân dân dần được nâng cao, nhu cầu đi du lịch ngày càng lớn. Vì vậy, lượng khách du lịch nội địa tăng theo các năm. Mặt khác, Việt Nam, ngoài tiềm năng to lớn về tài nguyên du lịch còn được coi là điểm đến an toàn, hấp dẫn nên khách du lịch quốc tế vào Việt Nam cũng tăng cao. Điều đó được thể rõ qua số liệu thống kê số lượng khách du lịch sau đây:

DVT: Triệu lượt

Năm	Khách du lịch nội địa	Khách du lịch quốc tế
2005	17,050	3,430
2006	17,500	3,585
2007	19,200	4,171

Những thị trường khách du lịch quốc tế hàng đầu của Việt Nam là Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Malaysia, Thái Lan, Singapore, Mỹ, Úc, Pháp. Hà Nội và Hồ Chí Minh là 2 thành phố thu hút nhiều nhất khách du lịch quốc tế. Ngoài ra, Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), Sầm Sơn (Thanh Hóa), Vườn quốc gia Phong Nha Kẻ Bàng (Quảng Bình), Cố đô Huế, Lăng Cô (Thừa Thiên Huế), Phố cổ Hội An (Quảng Nam), Vịnh Nha Trang (Khánh Hòa)... là những điểm du lịch thu hút đông khách quốc tế.

Cơ sở hạ tầng du lịch đã được chú trọng đầu tư, đến nay, cả nước đã có 9.343 cơ sở lưu trú du lịch đã được xếp hạng với 184.834 buồng. Trong đó, khách sạn 5 sao là 25 khách sạn với 7.167 buồng, khách sạn 4 sao là 85 khách sạn với 10.367 buồng, khách sạn 3 sao là 166 khách sạn với 12.051 buồng, khách sạn 2 sao là 645 khách sạn với 25.610 buồng, khách sạn 1 sao là 745 khách sạn với 16.973 buồng, khách sạn đạt tiêu chuẩn: 3.042 khách sạn với 45.942 buồng. Số lượng doanh nghiệp lữ hành quốc tế ngày một tăng, tính đến nay, cả nước có 655 doanh nghiệp lữ hành quốc tế, trong đó, có 76 doanh nghiệp nhà nước, 200 doanh nghiệp cổ phần, 11 doanh nghiệp liên doanh, 364 doanh nghiệp TNHH và 4 doanh nghiệp tư nhân, tập trung ở các địa phương phát triển về du lịch như Hà Nội, Hồ Chí Minh.

Với tiềm năng phong phú, đa dạng để phát triển du lịch, khách du lịch đến Việt Nam có thể lựa chọn sản phẩm du lịch phù hợp trong số nhiều loại sản phẩm du lịch tại Việt Nam. Tại vùng du lịch Bắc Bộ, có các sản phẩm đặc trưng như du lịch văn hóa, sinh thái kết hợp với du lịch tham quan, nghiên cứu, nghỉ dưỡng. Tại vùng du lịch Bắc Trung Bộ là các sản phẩm du lịch thể thao, giải trí, nghỉ dưỡng biển, tham quan các di tích lịch sử văn hóa và cách mạng; đặc biệt là các di sản văn hóa thế giới, du lịch hang động và du lịch quá cảnh qua hành lang Đông Tây đường 9, cảng biển và sân bay quốc tế Đà Nẵng. Tại vùng du lịch Nam Trung Bộ và Nam Bộ là các sản phẩm du lịch tham quan, nghỉ dưỡng biển và núi, du lịch sông nước, du lịch sinh thái đồng bằng châu thổ sông Cửu Long.

Sự phát triển vững chắc của ngành du lịch đã tạo ra nhiều lợi ích về mặt xã hội. Thông hoạt động du lịch, Việt Nam đến gần hơn với bạn bè bốn phương, thế giới biết đến Việt Nam không chỉ là một đất nước anh dũng, kiên cường trong đấu tranh giành độc lập, tự do mà còn là một đất nước rất mến khách, rất thanh bình, cầu thị trên con đường hội nhập với thế giới. Qua du lịch, hình ảnh về một đất nước Việt Nam thân thiện, hòa bình được nâng lên một vị thế mới trong con mắt của bạn bè thế giới.

Sự phát triển của ngành Du lịch đã tạo ra rất nhiều việc làm cho người lao động, đặc biệt là lao động nữ, giải quyết một phần nhu cầu công ăn việc làm của xã hội, góp phần từng bước cải thiện và nâng cao đời sống nhân dân. Bộ mặt của một địa phương sẽ thay đổi hẳn theo nghĩa tích cực khi du lịch nơi đó phát triển. Đường xá rộng rãi, sạch sẽ, nhà cửa khang trang. Đặc biệt, đồng bào thiểu số không chỉ biết làm nương, làm rẫy, đi rừng, mà đã biết làm các mặt hàng lưu niệm đặc trưng để bán cho khách du lịch.

Sự đóng góp của ngành du lịch vào thu nhập của nền kinh tế quốc dân ngày một lớn, góp một phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế chung của đất nước. Du lịch là một ngành kinh tế mang lại ngoại tệ cho đất nước từ nguồn thu từ khách du lịch quốc tế. Ngành du lịch đã góp phần làm chuyển dịch cơ cấu kinh tế một cách tích cực, chuyển một bộ phận lao động làm nông nghiệp sang làm dịch vụ, qua đó tăng thu nhập, nâng cao đời sống người dân.

Du lịch phát triển đến đâu, hệ thống giao thông phát triển đến đó. Để tạo ra những điều kiện tiền đề cho phát triển du lịch, các địa phương phải đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cơ sở. Điều này tạo ra một bộ mặt sáng sủa cho địa

phương, đem lại nhiều thuận lợi để phát triển kinh tế nói chung, phát triển du lịch nói riêng, và người dân địa phương "được hưởng lợi" từ điều đó.

Một lợi ích to lớn khác do du lịch mang lại là sự khôi phục các làng nghề truyền thống, khôi phục, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa, khôi phục và phát triển các loại hình văn hóa dân gian, phong tục tập quán, lễ hội để đáp ứng nhu cầu khám phá, thưởng thức những cái hay, cái đẹp đặc trưng của Việt Nam. Khách du lịch quốc tế đến Việt Nam rất ấn tượng với các tiết mục múa rối nước, hát đối giao duyên, múa khèn, các làn điệu dân ca đặc trưng của các vùng miền... của người Việt Nam.

Một thời gian dài, các làng nghề của Việt Nam đã bị mai một. Nhưng với sự phát triển của du lịch, đáp ứng nhu cầu tham quan, tìm hiểu cái mới lạ của Việt Nam, nhiều làng nghề đã được quan tâm đầu tư khôi phục, phát triển như tranh Đông Hồ, gốm Phù Lãng, gốm Bát Tràng, lụa Vạn Phúc, dát vàng kỳ Kiều Ky, chạm bạc Đông Xâm, làng mây tre đan Phú Vinh...

Những nguy cơ, thách thức

Mặc dù có những đóng góp không nhỏ cho xã hội, nhưng ngành du lịch vẫn có những hạn chế nhất định. Trước hết, đó là sự xuống cấp về môi trường tại những điểm tham quan du lịch, đặc biệt những nơi thu hút đông du khách. Một phần do cơ sở hạ tầng tại nhiều điểm du lịch chưa đáp ứng được hết nhu cầu của du khách, một phần do ý thức của khách du lịch chưa cao, đặc biệt là khách du lịch nội địa, họ vô tư xả rác mọi chỗ. Mặt khác, nhiều đơn vị kinh doanh tại các khu, điểm du lịch chưa áp dụng các biện pháp xử lý rác thải, nước thải đảm bảo tiêu chuẩn về môi trường, đã gây ra sự ô nhiễm, có thể làm lan truyền nhiều dịch bệnh như giun sán, đường ruột, ngoài da..., ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng. Du lịch còn ảnh hưởng xấu đến môi trường biển (các rạn san hô bị chết), bầu khí quyển, làm giảm đa dạng sinh học (do việc khai hoang phát triển du lịch, tăng nhu cầu về đốt rừng, phá rừng)...

Thứ hai, du lịch phát triển làm cạn kiệt, xuống cấp các nguồn tài nguyên. Các nguồn tài nguyên thiên nhiên (lương thực, thực phẩm) phải khai thác triệt để phục vụ cho các nhu cầu của khách du lịch, để khôi phục lại thì cần phải trải qua một thời gian dài. Các tài nguyên du lịch (khu, điểm tham quan du lịch, các di tích lịch sử văn hóa...) qua quá trình đưa vào sử dụng phục vụ nhu cầu của khách du lịch, cộng với việc bị ô nhiễm môi trường, sẽ dễ bị xuống cấp, nếu không quan tâm tu bổ, trùng tu kịp thời có thể sẽ bị phá hủy.

Tại một số địa phương, khi du lịch phát triển đã tạo ra nhiều việc làm cho cộng đồng dân cư địa phương, hầu hết mọi người dân tại địa phương đó đều tập trung hoạt động kinh doanh các dịch vụ phục vụ cho du lịch, kể cả những em bé còn trong độ tuổi học phổ thông. Mãi mê kiếm tiền để tăng thu nhập cho gia đình, mà trách nhiệm đó là của bố mẹ các em, các em không còn thời gian dành cho việc học tập hoặc nảy sinh tâm lý chán học, thích kiếm tiền hơn nên nhiều em đã bỏ trường bỏ lớp. Điều này sẽ ảnh hưởng rất lớn đến tương lai của các em sau này. Do biết kiếm tiền từ nhỏ, nên các em đã không còn sự hồn nhiên, ngây thơ mà đáng ra tuổi các em phải có.

Mặt khác, đặc điểm của du lịch là có tính mùa vụ. Do đó, thu nhập của người lao động trong ngành du lịch thường không được ổn định. Họ có thể chỉ lao động trong 4-5 tháng/năm để kiếm tiền sống cho cả năm. Điều này dễ dẫn đến tình trạng người lao động tìm mọi cách để kiếm thật nhiều tiền trong mùa du lịch cao điểm, kể cả việc phải tranh giành khách, đeo bám khách, nâng giá dịch vụ vô tội vạ "chặt chém" du khách, gây ra nhiều ấn tượng xấu cho khách du lịch.

Một trong những mặt trái của ngành du lịch có tác động lớn đối với xã hội là việc xuất hiện các tệ nạn xã hội như nghiện hút, cờ bạc, mại dâm. Khi du lịch phát triển, đời sống khấm khá lên, nhiều người, đặc biệt là lớp thanh thiếu niên, đã dính vào tệ nạn ma túy, cờ bạc, nát rượu, không còn chí thú làm ăn, chỉ lo ăn chơi. Điều đó làm phát sinh mâu thuẫn trong gia đình, có thể dẫn đến việc gia đình tan vỡ, con cái hư hỏng.

Khi khách du lịch đến địa phương tham quan du lịch, ăn nghỉ thì nhiều vấn đề phức tạp sẽ nảy sinh, trong đó có tệ nạn mại dâm. Nhiều khách du lịch khi đi du lịch nhu cầu tìm đến gái mại dâm, vì vậy có cầu ắt có cung. Hoạt động mại dâm này ngày càng lộ liễu. Nhiều điểm du lịch, gái mại dâm còn chào mời, chèo kéo khách du lịch.

Trong mấy năm gần đây, một số nước ở châu Á như Thái Lan, Campuchia, Philipin, xuất hiện hiện tượng xâm hại tình dục trẻ em thông qua du lịch, ở Việt Nam cũng đã phát hiện được một số trường hợp như vụ cựu ca sĩ người Anh Gary Glitter lạm dụng tình dục một bé gái ở Vũng Tàu, vụ một khách du lịch người Úc, Gregory Roy Cook, có hành vi không đúng đắn với một bé gái Việt Nam ở Đà Nẵng. Những người có hành vi này chủ yếu là khách du lịch quốc tế, họ thường lợi dụng danh nghĩa du lịch để dụ dỗ, lừa gạt hoặc ép buộc trẻ em tham gia hành vi tình dục ngoài ý muốn, điều này vi phạm nghiêm trọng pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật quốc tế. Nhóm đối tượng nguy cơ cao bị xâm hại tình dục là trẻ em lang thang, thất học, nhà nghèo, gia đình không hạnh phúc, hoàn cảnh gia đình khó khăn, phải sớm đi bán hàng rong để kiếm sống... Có nhiều nguyên nhân dẫn đến việc trẻ em bị rơi vào trên nhưng nguyên nhân chính là do nghèo đói, thất học, hiểu biết pháp luật còn hạn chế và sự thiếu trách nhiệm của bố mẹ đối với các em. Đối với những kẻ có hành vi xâm hại tình dục trẻ em thì nguyên nhân chính là do nhu cầu tình dục, nỗi lo sợ bị nhiễm HIV/AIDS và các bệnh lây truyền qua đường tình dục, thiếu tôn trọng quyền trẻ em, lợi nhuận thu được cao từ việc môi giới, buôn người, chứa gái mại dâm...

Để bảo vệ trẻ em khỏi nạn xâm hại tình dục, thế giới đã ban hành Công ước về quyền trẻ em, ngoài ra, hầu hết các quốc gia đều có luật bảo vệ trẻ em khỏi bị lạm dụng và có hiệu lực trong biên giới quốc gia. Năm 1999, Tổ chức Du lịch Thế giới (WTO) đã phê chuẩn Quy tắc đạo đức toàn cầu, trong đó Điều 2 của Quy tắc đề cập tới sự bóc lột, đặc biệt là bóc lột tình dục trẻ em và kêu gọi sự hợp tác giữa tất cả các quốc gia để ngăn chặn bóc lột tình dục trẻ em và trừng trị kẻ phạm tội.

Điểm báo

(VietNamNet). Thế Vinh - Đặng Hương

"Du lịch tình dục trẻ em", một cụm từ tưởng chừng rất xa lạ đối với Việt Nam nhưng lại là một nguy cơ tiềm ẩn vô cùng nguy hiểm đối với ngành du lịch, hiểm họa rình rập những trẻ em "bước chân vào thị trường du lịch" sớm. Đó là nhận định của một lãnh đạo cơ quan phòng chống tệ nạn xã hội về tình trạng xâm hại tình dục trẻ em qua đường du lịch. Một vị lãnh đạo ngành du lịch cho biết: "Hiện tượng này đã có ở Việt Nam nhưng không phổ biến".

Cơn bão đen du lịch tình dục trẻ em tràn qua châu Á!

Theo thông tin từ các tổ chức quốc tế, trong những năm gần đây, du lịch tình dục trẻ em đã và đang lan tràn qua châu Á. Từ lâu, Thái Lan và Philipines đã là những "điểm đến" hấp dẫn đối với khách du lịch nước ngoài tìm thú vui theo đường "du lịch tình dục".

Những năm gần đây, Việt Nam, Campuchia và kể cả nước hồi giáo Indonesia cũng thu hút rất nhiều du khách nhưng với mục đích xâm phạm tình dục trẻ em ở các nước này. Các tổ chức quốc tế cùng các quốc gia bị chiếc "vòi bạch tuộc" này vươn tới đã hết sức lo lắng và tìm mọi cách ngăn chặn. Tuy nhiên sau nhiều nỗ lực, mối hiểm họa vẫn gia tăng và còn nguy hiểm, tinh vi hơn gấp bội lần.

Bà Oranuch Lerdkulladilok, Chương trình phát triển- giáo dục phụ nữ và cộng đồng (DEPDC) có những nhận định rất thực tế qua nhiều năm làm công tác ngăn chặn những hiểm họa đối với phụ nữ và trẻ em: "Tôi làm việc nhiều ở các vùng biên giới. Có nhiều du khách đến đây để tìm kiếm *du lịch tình dục* trẻ em. Hầu hết trẻ em là người bản địa Thái Lan, Myanmar, Lào, người dân tộc ở vùng Vân Nam Trung Quốc ... Không chỉ người nước ngoài, ngay cả người dân địa phương cũng tìm kiếm mại dâm trẻ em ..."

Ông Ralph Kinh, Phó Đại sứ Australlia tại Việt Nam cũng có nhận định tương tự: "Du lịch tạo điều kiện dễ dàng hơn cho lạm dụng tình dục! Theo tôi biết, du lịch tình dục không chỉ có khách quốc tế, mà cả khách nội địa cũng rất nhiều ..."

Theo bà Lerdkulladilok, đó là một ngành kinh doanh bất hợp pháp. Ở một số quốc gia ASEAN, tại các quán cafe, karaoke, du khách thường bị những tên cò mồi mời mọc. Nếu khách có nhu cầu, họ sẽ dẫn đến nơi khác có trẻ em mại dâm để hành lạc. Cảnh sát ở nhiều quốc gia đã bỏ qua những chuyện này.

Campuchia, một quốc gia chỉ mới bắt đầu đi vào ngành "công nghiệp không khói" được mấy năm gần đây nhưng tình trạng gái mại dâm hoạt động gắn với du lịch đã trở nên đáng báo động. Theo số liệu của các tổ chức quốc tế về trẻ em, hiện nay có khoảng 30.000 gái mại dâm dưới 18 tuổi đang hoạt động ở nước này, ngay tại thủ đô Phnom Penh cũng có khoảng 6.000 trẻ em.

Được biết, một trong những nguyên nhân chính để du lịch tình dục tìm đến trẻ em phát triển mạnh mẽ chính là các chế tài và hiệu quả các chế tài vẫn còn quá yếu kém trước sự phát triển mạnh mẽ của ngành du lịch. Trong một báo cáo của tổ chức "Tầm nhìn thế giới", nhiều quan chức cấp cao cũng tham gia vào du lịch tình dục trẻ em ở Campuchia. Còn giới quan chức lại đổ lỗi cho các hướng dẫn viên. Họ cho rằng, 80 % quan chức của ngành du lịch cho biết đã tận mắt nhìn thấy hướng dẫn viên cò mồi trẻ em gái cho khách du lịch.

Tại xứ sở của "du lịch tình dục " Thái Lan, theo các thông tin chính thức từ Chính phủ, hiện nước này có khoảng 30.000 gái điếm tuổi vị thành niên. Theo UNICEF, ở các nước ASEAN có khoảng 400.000 gái điếm vị thành niên và khoảng một triệu trẻ em bị xâm hại tình dục, chủ yếu qua đường du lịch.

Việt Nam tiếp nhận cơn bão đen như thế nào?

Một hướng dẫn viên có thâm niên tiết lộ, nhiều quốc gia như Thái Lan, Philippines, Campuchia ... mại dâm trẻ em qua đường du lịch trở nên phổ biến, thậm chí còn ở mức độ chuyên nghiệp khiến khách du lịch ưa "tìm của lạ" cũng chán! hệ quả của sự "chuyên nghiệp" đó là mầm mống của các bệnh xã hội và HIV/AIDS rất cao, điều này tất nhiên làm khách du lịch "nản" và tìm kiếm "nguồn" khác mới lạ hơn.

Tại Việt Nam, mấy năm gần đây du lịch được được đầu tư quảng bá rộng rãi nên được nhiều khách quốc tế chọn làm điểm đến. Khách đến Việt Nam càng nhiều và lượng khách muốn đi "đổi gió" với những gái mại dâm vị thành niên cũng không hề ít. Thông thường những vị khách này đến từ Australia, Đài Loan, Nhật Bản, Hàn Quốc ... Họ nghĩ gái mại dâm, nhất là vị thành niên ở Việt Nam là "gái mới", không chuyên và an toàn hơn gái mại dâm ở các nước khác. Một trong những điểm trước đây du khách quốc tế thường dựa vào là các biện pháp chế tài còn lỏng lẻo, nhiều khi là sự vì nể đối với người nước ngoài ...

Tại Hội nghị bàn về "xâm hại tình dục trẻ em qua đường du lịch" gần đây, ông Phạm Từ, Phó Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch nhận định: "Có thể khẳng định rằng, hiện du khách quốc tế đến Việt Nam là để thăm phong cảnh, tìm hiểu văn hóa, chứ không phải để tìm tệ nạn đó. Nếu họ có ý định trên, họ đã không đến Việt Nam, mà đến những nơi khác". Một số đại biểu lại cho rằng du lịch tình dục ở Việt Nam đang gia tăng, tuy không phổ biến. Được biết, hiện nay Việt Nam chưa có điều tra cụ thể nên chưa khẳng định về số lượng. Trước tình

trạng này, ngành du lịch thừa nhận "Phòng còn hơn chống", chủ trương phát triển du lịch bền vững, chất lượng, không phải là đón khách với bất cứ giá nào để rồi lại phải gánh chịu những hậu quả đáng tiếc cho xã hội.

Bà Nguyễn Thị Huệ, Cục trưởng Cục phòng chống tệ nạn xã hội (Bộ LĐTB&XH) cho biết: "Du lịch tình dục trẻ em ở Việt Nam chắc chắn là có. Vừa qua, một số khách nước ngoài đã quan hệ với gái mại dâm vị thành niên ở một số khu du lịch lớn như Khánh Hòa, Bà Rịa - Vũng Tàu ... hầu hết là do người nước ngoài thích gái mại dâm trẻ em...".

Từ trước đến nay, du lịch là một trong những ngành trọng điểm về phòng chống tệ nạn mại dâm nói chung và lạm dụng tình dục trẻ em nói riêng, và là một trong những ngành có nguy cơ cao trong việc trẻ em dễ bị lạm dụng do thu hút nhiều trẻ em đến phục vụ.

Trước cơn bão đến du lịch tình dục trẻ em đang trở thành hiểm họa rình rập ngành du lịch Việt Nam nói riêng và các nước ASEAN nói chung, có nhiều ý kiến cho rằng, Việt Nam hãy **phòng** từ ngay bây giờ, đừng để nó tràn vào và quấy phá mạnh mẽ như ở Thái Lan rồi mới **chống**.

Nhã Trãn, phóng viên ðài RFA, Oct30,2006

Tệ nạn du khách nước ngoài xâm phạm tình dục vị thành niên tại Việt Nam

RFA - Tệ nạn du khách nước ngoài xâm phạm tình dục vị thành niên tại nhiều nước Châu Á, trong đó có Việt Nam, ngày càng tăng trong vài năm qua. Các tổ chức quốc tế bảo vệ thiếu nhi cũng như Quỹ Nhi Ðồng Liên Hiệp Quốc UNICEF và sáng hội Action Pour Les Enfants của Pháp ðã nhiều lần cảnh báo, nhưng vấn ðề vẫn tiếp diễn.

Chính phủ các xứ này ðã ðối phó ra sao với tệ nạn này, hoặc có biện pháp nào ðể bảo vệ trẻ em nước mình?

Một trong những quốc gia ðược biết ðến nhiều về tình trạng trẻ em bị du khách nước ngoài lạm dụng tình dục là Campuchia. Hồi tuần trước chính quyền Phnom Penh vừa xử lý nghiêm một du khách ngoại quốc vì ðã lạm dụng tình dục một số trẻ em vị thành niên người Khmer.

Watrin Alexander Moitz, một công dân Ðức, ít ngày trước ðã bị tòa án thành phố Sihanoukville tuyên phạt 10 năm tù về tội xâm hại tình dục bốn thiếu niên, trong đó có em chỉ vừa lên 7. Cáo trạng cho thấy các em, cũng như những trẻ bản xứ thuộc thành phần sống vất vưởng trên ðường phố, từ lâu ðã trở thành mục tiêu cho những khách du lịch nước ngoài.

Theo luật pháp Campuchia những kẻ xâm hại tình dục trẻ em có thể bị phạt ðến 20 năm tù ở, ngoài việc bồi thường cho nạn nhân. Đây không phải lần ðầu chính phủ xứ Chùa Tháp có quyết ðịnh phạt nặng những du khách ngoại quốc ðã lợi dụng sự nghèo ðói của người dân và pháp luật lỏng lẻo của các nước mở cửa cho du lịch ðể lạm dụng tình dục trẻ em vô gia cư hoặc không có gia ðình bao bọc, che chở.

Campuchia không phải là nước duy nhất ở Châu Á phải ðối mặt với chuyện này. Từ gần 10 năm nay nhiều quốc gia Ðông Nam á, trong đó Việt Nam, ðã xảy ra nhiều vụ khách nước ngoài ðến không chỉ ðể du lịch thuần túy, nhưng nhắm vào mục ðích xâm hại tình dục những trẻ em nghèo ðói, ngây thơ.

Hồi cuối năm ngoái dư luận Việt Nam xôn xao về vụ án Gary Glitter, cựu ca sĩ người Anh, ðã dụ dỗ ðể quan hệ tình dục với nhiều bé gái, trong đó có em chỉ hơn 10 tuổi. Sau nhiều tháng xét xử Việt Nam ðã tuyên án 5 năm tù ðồng thời cấm bị can trở lại.

...

Công luận quan ngại vì ca phạm pháp của Gary Glitter không phải là trường hợp duy nhất xảy ra trong nước. Những cảnh khách ngoại quốc đến Việt Nam với tiền rủng rỉnh, tìm mọi cách dụ dỗ những em bé nghèo khổ bán vé số, đánh giầy ... khắp các ngõ ngách thành thị, từ lâu không còn là điều hiếm hoi. Thế nhưng, vì đâu những kẻ đồi bại không bị phát hiện?

Trước hết, nguyên do nào những người chung quanh không nhận thức được hành động của kẻ bất lương? Một phụ nữ Sài Gòn cho hay đã hơn một lần chứng kiến cảnh một người đàn ông ngoại quốc đi với vài ba em nhỏ người Việt Nam trên đường phố, trai có gái có, và suy nghĩ của chị như sau: "Thấy vậy thì tưởng là khách nước ngoài đó nhân đạo, thương con nít, cho tiền bạc, bánh kẹo, chứ đâu có biết ..."

Nhiều người thì đặt câu hỏi rằng cho là người dân dễ bị lừa, giới an ninh đứng ra phải cảnh giác hơn, Thế thì tại sao lực lượng công an, cảnh sát đông đảo mọi nơi không có biện pháp nào cho du khách loại này sa lưới pháp luật, để cứu thoát những trẻ thơ vô tội?

...

PHẦN III

SỰ HỢP TÁC CỦA NGÀNH DU LỊCH “BẢO VỆ TRẺ EM KHÔNG BỊ BUÔN BÁN VÀ BỐC LỘT TÌNH DỤC TRONG DU LỊCH”

- Tham gia Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT;
- Tham dự Hội nghị quan chức cấp cao tại Thái Lan;
- Cử cán bộ tham gia lớp tập huấn giảng viên nguồn;
- Phối hợp các tổ chức quốc tế mở các lớp tập huấn;
- Tổ chức tuyên truyền về hoạt động phòng, chống buôn bán người và lạm dụng tình dục trẻ em trong du lịch
- Tiếp tục thực hiện các cam kết trong Thư tuyên bố của các nước khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS), tại Bangkok, Thái Lan ngày 06/11/2007

Tham gia Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT

Sau khi chính phủ Hoàng gia Thái Lan đặt ưu tiên cho Ý tưởng Dự án 9 “Hợp tác với ngành du lịch” trong Kế hoạch hành động tiểu vùng là một hoạt động trong danh sách ưu tiên của mình, về phía Việt Nam cũng đã xác định tầm quan trọng từ những thành tựu phát triển du lịch của Việt Nam trong những năm gần đây và những nguy cơ, thách thức của loại tội phạm buôn bán người có tổ chức, tội phạm lạm dụng tình dục trẻ em trong du lịch.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 392/VPCP-QHQT ngày 20/5/2004, đề kiến toàn Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT Việt Nam, Bộ trưởng Bộ Công an đã ban hành Quyết định 371/QĐ-BCA(C11) ngày 04/4/2008 thành lập Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT giai đoạn II (2008-2010) gồm 13 thành viên trong đó có sự tham gia của đại diện Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch.

Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm có nhiệm vụ: Giúp Chính phủ, Ban chỉ đạo 130/CP chỉ đạo, thực hiện các hoạt động về phòng, chống buôn bán người trong khuôn khổ Kế hoạch hành động tiểu vùng sông Mekong; báo cáo cập nhật tình hình thực hiện Kế hoạch; xây dựng báo cáo tổng quan của Việt Nam về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em và nghiên cứu, đề xuất nội dung tham dự Hội nghị tư vấn cấp Bộ trưởng trong việc ký kết Biên bản Ghi nhớ về hợp tác phòng, chống buôn bán người khu vực tiểu vùng sông Mekong.

(Phụ lục 3. Quyết định thành lập Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT Việt Nam giai đoạn 2008-2010)

Tham dự Hội nghị quan chức cấp cao tại Thái Lan tháng 11/2007

Hội nghị “Bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục trong ngành du lịch” do Chính phủ Hoàng gia Thái Lan đăng cai tổ chức với sự tham gia của các tổ chức UNIAP, ILO, SAVE THE CHILD UK là một hoạt động trong Kế hoạch hành động các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng thuộc tiến trình COMMIT. Tại Hội nghị, Bộ trưởng Bộ Du lịch và Thể thao Thái Lan, đại diện các tổ chức quốc tế đã có những tham luận về:

- Ngành công nghiệp du lịch khu vực tiểu vùng sông Mekong, bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục (Văn phòng hợp tác du lịch Mekong-MTCO);

- Giải quyết nạn buôn bán người ở khu vực tiểu vùng sông Mekong (UNIAP);

- Mối liên quan giữa hình thức khác nhau trong ngành thương mại bóc lột tình dục và công nghiệp tình dục trẻ em (ECPAT);

- Nghiên cứu tình dục, tầm năng và di sản: Những mối đe dọa và cơ hội của ngành du lịch. Báo cáo về “những kinh nghiệm” tốt nhất có liên quan đến ngành du lịch và nạn buôn bán người (UNESCO);

- Các cơ chế thành công trong việc giải quyết các nhu cầu của trẻ em liên quan đến du lịch tình dục và buôn bán trẻ em (ECPAT).

Thành công lớn nhất của Hội nghị là các nước nhóm họp đã ra một tuyên bố chung về bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục trong ngành du lịch và xác định những nguyện vọng và cam kết đó là một phần trong tiến trình COMMIT.

(Phụ lục 4. Thư tuyên bố của các nước khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS)- Bangkok, Thái Lan, tháng 11/2007)

Cử cán bộ tham gia tập huấn tại Khon Kaen- Thái Lan

Trong khuôn khổ Kế hoạch hành động tiểu vùng sông Mekong của tiến trình COMMIT, một cán bộ của Thanh tra Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch đã tham gia khoá tập huấn về phòng, chống buôn bán người do Dự án UNIAP tổ chức từ 25/2 đến 04/3/2008 để trở thành giảng viên nguồn về phòng chống buôn bán người tại Việt Nam.

Phối hợp với các tổ chức quốc tế mở các lớp tập huấn

Trong năm 2007, Tổng cục Du lịch Việt Nam đã phối hợp với CHILD WISE (Là thành viên đại diện của nước Úc tại ECPAT- Tổ chức phi chính phủ quốc tế tập trung vào việc chấm dứt nạn mại dâm trẻ em, ảnh hưởng mại dâm trẻ em, buôn bán trẻ em vì mục đích tình dục) tổ chức hai lớp tập huấn (tại Cần Thơ và Hà Nội) cho các cán bộ, nhân viên hoạt động trong ngành du lịch về việc nhận biết và sự cần thiết các nỗ lực bảo vệ trẻ em tại các điểm đến du lịch phòng, chống du lịch tình dục trẻ em.

Nội dung tập huấn gồm:

- Giới thiệu tổng quan về ngành du lịch;
- Thế nào là du lịch tình dục trẻ em, cấp độ và tác động của du lịch tình dục trẻ em;
- Ai là kẻ phạm tội, phân loại kẻ phạm tội và những quan điểm sai về du lịch tình dục trẻ em;
- Những nỗ lực để bảo vệ trẻ em tại các điểm đến du lịch, sự can thiệp của cộng đồng, chính phủ;
- Chúng ta có thể làm gì để bảo vệ trẻ em;
- Cam kết hành động.

Kế hoạch hoạt động tiếp theo:

Phối hợp với Ban chỉ đạo COMMIT Việt Nam, các tổ chức quốc tế như UNIAP, SCUUK, ILO...nhằm tổ chức các lớp tập huấn cho:

1. Đối tượng là cán bộ quản lý

Tiếp tục tổ chức một số khoá tập huấn cho cán bộ làm trong ngành du lịch (Cơ quan quản lý nhà nước) nhằm giúp cho những cán bộ này tiếp cận với các

hoạt động phòng, chống buôn bán người và đặc biệt là phòng, chống du lịch tình dục trẻ em.

Dự kiến tổ chức một khoá tập huấn cho các tỉnh phía Nam trong năm 2009.

2. Đối tượng là khối tư nhân

Tổ chức các lớp tập huấn cho khối doanh nghiệp du lịch (các nhân viên Công ty lữ hành, Khách sạn, nhân viên làm việc tại các điểm đến Khu, điểm thăm quan, du lịch) về cách xác định những hành vi nguy hại và cách thực hiện các biện pháp đơn giản nhưng hiệu quả để ngăn chặn khách du lịch làm hại trẻ em.

Mục đích: Đưa tới những người làm việc trong ngành du lịch, tại các nơi cung cấp dịch vụ du lịch, tại các điểm thăm quan du lịch, là những người thường xuyên, trực tiếp tiếp xúc với khách du lịch, là những người quan sát thấy việc đi lại và hành động của khách du lịch hàng ngày có thể: nắm được thông tin về vấn đề khai thác và bóc lột tình dục trẻ em tại các điểm đến du lịch; cách nhận biết và xác định những dấu hiệu, biểu hiện của hành vi xâm hại, bóc lột tình dục trẻ em của khách du lịch; cách thực hiện các biện pháp đơn giản có thể và hiệu quả nhất để ngăn chặn khách du lịch xâm hại trẻ em.

Nội dung:

- Giới thiệu về thành tựu, tốc độ và tiềm năng phát triển du lịch Việt Nam.

Những điểm đến.

- Du lịch tình dục trẻ em là gì? Những kẻ tham gia, là chủ thể tội phạm du lịch tình dục trẻ em.

- Các biện pháp ngăn chặn khách du lịch xâm hại trẻ em.

- Những quy định xử lý tội phạm, nỗ lực để bảo vệ trẻ em tại các điểm đến du lịch.

(Phụ lục 5. Dự kiến nội dung, chương trình, phương pháp tập huấn cho nhân viên khối doanh nghiệp du lịch)

Tổ chức tuyên truyền về phòng chống buôn bán người và lạm dụng tình dục trẻ em trong du lịch

Tổ chức hoạt động tuyên truyền về phòng, chống du lịch tình dục trẻ em một cách rộng rãi. Sử dụng panô, áp phích treo tại các khách sạn, các điểm đến du lịch, có thể trên các chuyến bay, phương tiện giao thông phục vụ khách du lịch.

Tiếp tục thực hiện các cam kết trong Thư tuyên bố của các nước khu vực tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS), tại Bangkok, Thái Lan ngày 06/11/2007

(Phụ lục 6. Báo cáo của UNESCO về “Những kinh nghiệm » tốt nhất có liên quan đến ngành du lịch và nạn buôn người)

BỘ CÔNG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 371/QĐ-BCA(C11)

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2008

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc Thành lập Ban chỉ đạo liên ngành tham gia
Hội nghị tư vấn cấp Bộ Trưởng các nước Tiểu vùng sông Mêkông
về phòng, chống buôn bán người giai đoạn II (2008 - 2010)**

BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG AN

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 392/VPCP-QHQT ngày 20/5/2004 về việc Hội nghị Tư vấn cấp Bộ trưởng các nước tiểu vùng sông Mêkông về phòng, chống buôn bán người;
- Căn cứ Nghị định số 136/2003/NĐ-CP ngày 14/11/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an;
- Căn cứ ý kiến của các bộ, ngành về việc tham gia ban chỉ đạo liên ngành;
- Xét đề nghị của đồng chí Tổng cục trưởng - Tổng cục Cảnh sát,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Thành lập Ban chỉ đạo liên ngành tham gia Hội nghị tư vấn cấp Bộ Trưởng các nước Tiểu vùng sông Mêkông về phòng, chống buôn bán người nhằm triển khai chỉ đạo thực hiện Tuyên bố chung và Kế hoạch hành động Tiểu vùng giai đoạn II (2008 - 2010) (gọi tắt là Ban chỉ đạo liên ngành COMMIT), gồm các đồng chí:

1. Đồng chí Phạm Quý Ngọ - Tổng cục trưởng - Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an, Trưởng ban.
2. Đồng chí Vũ Hùng Vương - Phó Tổng cục trưởng - Tổng cục Cảnh sát - Bộ Công an, Phó trưởng ban.
3. Đồng chí Nguyễn Quốc Nhật - Phó cục trưởng - Cục CSĐTTP - Tổng cục Cảnh sát - Ủy viên thường trực.
4. Đồng chí Trịnh Đức Hải - Phó cục trưởng - Cục Lãnh sự - Bộ Ngoại giao, Ủy viên.
5. Đồng chí Lương Văn Giang - Phó cục trưởng - Cục Trinh sát - Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng, Ủy viên.
6. Đồng chí Nguyễn Văn Minh - Cục trưởng - Cục Phòng, chống Tệ nạn xã hội - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy viên.

7. Đồng chí Nguyễn Công Hồng - Phó vụ trưởng - Vụ Pháp luật Hình sự, Hành chính - Bộ Tư pháp, Ủy viên.

8. Đồng chí Đặng Hoa Nam - Phó cục trưởng - Cục Bảo vệ, Chăm sóc trẻ em - Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Ủy viên.

9. Đồng chí Dương Thị Xuân - Trưởng Ban Tuyên giáo - Trung ương Hội liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Ủy viên.

10. Đồng chí Lê Đăng Khoa - Phó vụ trưởng - Vụ Nội chính - Văn phòng Chính phủ, Ủy viên.

11. Đồng chí Nguyễn Hoàng Mai - Phó vụ trưởng - Vụ Các vấn đề xã hội - Văn phòng Quốc hội, Ủy viên.

12. Đồng chí Nguyễn Thị Thúy Minh - Phó chánh Thanh tra - Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Ủy viên.

13. Đồng chí Lê Văn Chương - Chánh Văn phòng Thường trực 130/CP - Cục CSĐTTP Hình sự - Tổng cục Cảnh sát, Ủy viên.

Điều 2: Ban chỉ đạo hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm, có nhiệm vụ:

1. Giúp Chính phủ, Ban chỉ đạo 130/CP chỉ đạo, thực hiện các hoạt động về phòng, chống buôn bán người trong khuôn khổ Kế hoạch hành động Tiểu vùng Mêkông.

2. Báo cáo cập nhật tình hình thực hiện Kế hoạch hành động Tiểu vùng Mêkông về phòng, chống buôn bán người.

3. Xây dựng báo cáo tổng quan của Việt Nam về phòng, chống tội phạm buôn bán phụ nữ, trẻ em tại các Hội nghị tư vấn cấp Bộ trưởng.

4. Nghiên cứu, đề xuất với Trưởng đoàn Liên ngành (đại diện Chính phủ Việt Nam) tham dự Hội nghị tư vấn cấp Bộ trưởng trong việc ký kết Biên bản ghi nhớ về hợp tác phòng, chống buôn bán người khu vực Tiểu vùng Mêkông.

Điều 3: Các đồng chí có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho các Quyết định 988/QĐ-BCA(C11) ngày 25/8/2006, Quyết định 704/QĐ-BCA(C11) ngày 27/6/2007./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG-PHÓ BAN CHỈ ĐẠO 130/CP
Thượng tướng Lê Thế Tiệm
(Đã ký)

THƯ TUYÊN BỐ
của các nước khu vực tiểu vùng sông Mêkông mở rộng (GMS)
Ngày 6/11/2007

Tháng 10/2004, Bộ trưởng đại diện cho các Chính phủ Vương Quốc Campuchia, CHND Trung Hoa, CHĐCN Lào, Liên bang Myanmar, Vương quốc Thái Lan và CHXHCN Việt Nam đã cùng nhau ký kết một Văn kiện Ghi nhớ (MOU) về phòng chống buôn bán người ở Yangon, Myanmar, Văn kiện Ghi nhớ này đã đánh dấu sự vận động của một tiến trình khu vực với khung hợp tác của 6 quốc gia tiểu vùng phòng chống buôn bán người một cách có hệ thống có tên gọi “Sáng kiến cấp Bộ trưởng trong phòng chống Buôn bán người khu vực tiểu vùng sông Mêkông” (gọi tắt là tiến trình COMMIT). Văn kiện Ghi nhớ đặc biệt kêu gọi tăng cường hợp tác với khu vực tư nhân nhằm đảm bảo vai trò chủ động trong ngành du lịch và công nghiệp giải trí trong cuộc chiến chống buôn bán và bóc lột tình dục trẻ em trong ngành du lịch.

Văn kiện Ghi nhớ được củng cố vững chắc bằng một Kế hoạch Hành động Tiểu vùng (KHHĐTV). Tháng 8/2006, tại nước CHĐCND Lào, đại diện Chính phủ 6 nước thành viên COMMIT đã thảo luận và đưa ra những hoạt động ưu tiên trong KHHĐTV. Cùng với những hoạt động khác, Chính phủ Hoàng gia Thái Lan đã đặt ưu tiên cho Ý tưởng Dự án (YTDA) số 9 “Hợp tác với ngành du lịch” là một hoạt động trong danh sách ưu tiên của mình.

Nhằm thực hiện cam kết chung của chúng tôi trong tiến trình COMMIT và trong cuộc chiến chống buôn bán người trong ngành du lịch, chúng tôi đại diện cho cơ quan chính phủ, ngành du lịch và các tổ chức xã hội Dân sự từ 6 nước khu vực về bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục trong ngành du lịch ở Băng Cốc trong 2 ngày 5-6/11/2007 bày tỏ nguyện vọng của chúng tôi về các vấn đề sau:

Vận động và khuyến khích việc xây dựng các chính sách quốc gia phù hợp với các văn kiện pháp lý quốc tế quan trọng liên quan đến buôn bán và bóc lột tình dục trẻ em, và xây dựng các cơ chế quốc gia để hỗ trợ việc thực hiện những chính sách này;

Trao đổi kinh nghiệm và hỗ trợ các hoạt động can thiệp nhằm phòng ngừa và bảo vệ trẻ em không bị buôn bán và bóc lột tình dục trong ngành du lịch khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng;

Tăng cường chức năng hành pháp trong nước và hợp tác xuyên biên giới giữa 6 nước GMS nhằm phòng ngừa tốt hơn, điều tra truy tố hiệu quả hơn bọn tội phạm bóc lột tình dục trẻ em;

Công nhận, hỗ trợ và đề cao sự tham gia tích cực và các nỗ lực hợp tác giữa chính phủ các nước, khu vực tư nhân trong ngành du lịch và các tổ chức xã hội Dân sự trong việc bảo vệ trẻ em khỏi loại tội phạm nghiêm trọng này tại mỗi quốc gia GMS và các quốc gia khác;

Thừa nhận và có các ứng phó nhằm lấp những khoảng trống, những thiếu hụt ở cả cấp quốc gia và khu vực trong công tác phòng chống loại tội phạm này và sự cần thiết có một khung hợp tác chặt chẽ hơn nữa giữa chính phủ các nước, khu vực tư nhân và các tổ chức xã hội Dân sự giữa các nước trong khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng;

Tăng cường các nỗ lực và chương trình Hành động Quốc gia hiện có ở mỗi nước thành viên thông qua các sáng kiến bền vững ở cấp tỉnh và cấp trung ương được các đối tác phát triển và các mạng lưới hoạt động của các tổ chức liên quan hỗ trợ nhằm thực hiện tốt hơn công tác bảo vệ trẻ em không bị bóc lột tình dục thương mại, đặc biệt là trong ngành du lịch ở các nước tiểu vùng và các nước khác;

Tuyên bố cam kết của chúng tôi nhằm củng cố và tăng cường sự hợp tác ở cấp khu vực giữa 6 nước khu vực tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng thông qua:

- Cùng nhau nghiên cứu hướng tới việc thành lập một Cơ quan Đăng ký cấp vùng về tội phạm bóc lột tình dục trẻ em và đảm bảo việc chia sẻ dữ liệu được quản lý một cách thích hợp,
- Tạo điều kiện xây dựng các cơ chế cấp khu vực (ví dụ như các hiệp hội khách sạn và du lịch nhằm tăng cường và giám sát các tiêu chuẩn, các hướng dẫn và việc cấp chứng chỉ cho khu vực tư nhân (ví dụ các điều khoản áp dụng),
- Đưa ra một khẩu hiệu/thông điệp cho chiến dịch an toàn trẻ em cấp khu vực bằng đường hàng không thông qua các phương tiện truyền thông như băng hình chiếu trên các chuyến bay, các tạp chí, thông tin tại sân bay và trên trang web của các hãng hàng không,
- Hợp tác với các tổ chức phi chính phủ và khu vực tư nhân để thành lập một đường dây nóng cấp vùng (tương hợp với các đường dây nóng trong nước) với số điện thoại ngắn gọn (ví dụ 141) để nói và dễ nhớ đối với trẻ nhỏ,

- Bảo đảm rằng tại mỗi quốc gia, thành viên của cơ quan đầu mối thuộc tổ chức du lịch quốc gia/Bộ Du lịch tham gia vào Ban chỉ đạo COMMIT nhằm phòng ngừa và chống du lịch tình dục trẻ em.

Khẳng định cam kết của chúng tôi trong việc đẩy mạnh và tăng cường các nỗ lực hợp tác trong từng quốc gia nhằm thúc đẩy tiến độ hiện tại hỗ trợ các hoạt động hợp tác cấp khu vực trong cuộc chiến chống buôn bán người và bóc lột tình dục trẻ em trong Du lịch ở các nước GMS như đã đề cập trong Văn kiện Ghi nhớ COMMIT và Kế hoạch Hành động tiểu vùng COMMIT.

BÁO CÁO VỀ “NHỮNG KINH NGHIỆM” TỐT NHẤT CÓ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH DU LỊCH VÀ NẠN BUÔN NGƯỜI

Nghiên cứu dành cho UNIAP và Tầm nhìn Thế giới
Heather A. Peter

Tóm tắt

Đây là nghiên cứu đầu tiên trong hai nghiên cứu được yêu cầu thực hiện trong Kế hoạch Hành động thuộc tiến trình COMMIT của các nước tiểu vùng sông Mekong mở rộng (GMS).

Mục đích của nghiên cứu này là:

* Tập hợp và phân tích những “Kinh nghiệm tốt nhất” đã được chọn lọc của Campuchia và Thái Lan có liên quan đến việc buôn bán người và ngành dịch vụ du lịch.

Theo lời khuyên của các chuyên gia quốc tế, nhiều nước đang phát triển coi ngành du lịch là một phương tiện phát triển kinh tế chủ yếu. Các nước như Lào, Campuchia và Myanmar có nền công nghiệp quốc nội kém phát triển, và có ít các sản phẩm nội địa để xuất khẩu sang các nước láng giềng hay ra thế giới. Với sự khuyến khích của các tổ chức quốc tế lớn như Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng Châu á (ADB), lãnh đạo các nước này đã đi đến kết luận rằng những nguồn tài nguyên quan trọng nhất của họ là tài sản tự nhiên, ví dụ như là môi trường hay văn hoá truyền thống. Do đó, họ dựa vào ngành du lịch để mang lại sự thịnh vượng cho nền kinh tế nhỏ bé của mình. Mặc dù có những trở ngại gây ra do chiến tranh Iraq, tiếp theo là dịch SARS, ngành du lịch vẫn đang bùng nổ. Năm 2004, có hơn 700 triệu khách du lịch trên toàn thế giới, 114,9 triệu trong số này đã tới vùng Châu Á Thái Bình Dương và 17,8 triệu đã đến tham quan những nước tiểu vùng sông Mêkong mở rộng (GMS).

Ngành du lịch được quảng bá là một ngành công nghiệp “sạch” và có thể phục vụ cho việc bảo tồn cả nền văn hoá truyền thống cũng như môi trường. Thực tế thì phức tạp hơn nhiều. Trong khi phát triển du lịch có thể mang lại lợi ích kinh tế thật sự cho các cộng đồng địa phương, làm nổi bật và phát huy những truyền thống văn hoá địa phương, thu hút sự chú ý và thậm chí hỗ trợ bảo vệ môi trường, trên thực tế vẫn còn đó tiềm ẩn khả năng ngành du lịch có thể phá huỷ tài nguyên mà nó phụ thuộc vào. Du lịch thực chất là một ngoại lực mang

đến những yếu tố chưa từng biết đến bao giờ và không thể lường trước được trong cuộc sống con người và xã hội.

Cho dù đã có một vài dự án du lịch thành công, thực tế ngành du lịch có thể mang lại lợi ích kinh tế cho các cộng đồng nghèo, hỗ trợ nền văn hoá truyền thống và bảo vệ môi trường hay không thì vẫn còn là một ý tưởng khó nắm bắt. Ví dụ sự thất thoát ở các nước tiểu vùng sông Mêkong mở rộng (GMS) trừ Thái Lan trung bình từ 25-40% (báo cáo chiến lược du lịch các nước GMS, năm 2005). Thực trạng này chỉ ra rằng người dân địa phương không phải là những người hưởng lợi chính từ thu nhập du lịch. Một chuyến du lịch vòng quanh các di sản thế giới như Luang Prabang ở Lào, Angkor Vat ở Campuchia cho thấy nền văn hoá truyền thống ở đây đang phải chịu những áp lực nặng nề do số lượng du khách quá lớn. Những cố gắng nhằm tăng số lượng du khách đến các địa điểm du lịch, thực ra, đang làm xói mòn chính giá trị lịch sử và văn hoá mà nhờ chúng các địa điểm đã được ghi nhận như những di sản thế giới được UNESCO xếp hạng.

Ngành du lịch, vì vậy, có thể gây ra những tác động xã hội tiêu cực nghiêm trọng, những điều vốn không phải là một phần bản chất của phát triển du lịch, nhưng lại đang đi kèm một cách đáng buồn với các loại hình du lịch đang phát triển lan rộng đến các nước tiểu vùng sông Mêkong mở rộng. Những tác động xã hội tiêu cực nghiêm trọng này bao gồm du lịch tình dục và đặc biệt du lịch tình dục trẻ em. Cả hai tác động này đều liên quan đến việc buôn bán người bất hợp pháp.

Nghiên cứu này nhằm điều tra và phân tích một loạt các dự án chống buôn bán người và các hoạt động du các tổ chức chính phủ, các tổ chức quốc tế, phi chính phủ và khu vực tư nhân thực hiện để giải quyết vấn đề “3p: Prevention, Protection, and Prosecution”, đó là: Ngăn chặn, Bảo vệ và Truy tố. Bởi vì một số lượng lớn các vụ việc buôn người không liên quan trực tiếp hay gián tiếp đến ngành du lịch, nghiên cứu này chỉ tập trung vào những dự án về du lịch tình dục trẻ em và giải pháp liên quan của nó, Du Lịch An Toàn Trẻ Em. Dù du lịch tình dục trẻ em không phải là dạng của buôn bán người duy nhất trong ngành du lịch, nó là dạng tàn ác nhất, và có cả ở Campuchia lẫn Thái Lan.

Nghiên cứu này cũng chỉ ra rằng có nhiều cá nhân và tổ chức liên quan ở cả Thái Lan và Campuchia đã tham gia giải quyết vấn đề này.

* Nghiên cứu cho thấy Bộ Du lịch ở cả hai nước đều tham dự vào, mặc dù tại thời điểm nghiên cứu, Bộ Du lịch Campuchia đang có những động thái tích cực hơn.

* Các tổ chức quốc tế như UNDP, ESCAP, UNESCO, UNODC, UNICEF, IOM, UNWTO, ILO và UNIAP đều tích cực tham dự vào các dự án chống lại nạn buôn bán người bất hợp pháp và nhập cư không an toàn, trong số đó UNWTO, ILO, UNESCO và ESCAP có các dự án đề cập một cách đặc biệt đến du lịch gắn với nạn buôn người.

* Trong các tổ chức phi chính phủ (NGO), ECPAT và Tầm nhìn Thế giới đi đầu trong việc giải quyết vấn nạn buôn người liên quan đến du lịch. Cả hai tổ chức này đã đóng vai trò vận động tích cực ở cả hai khu vực chính phủ và tư

nhân. Kết quả là một số công ty trong các ngành kinh doanh liên quan đến du lịch trong khu vực tư nhân đã và đang đóng vai trò tích cực hơn trong việc giải quyết vấn đề này so với trước đây. Tuy nhiên, nghiên cứu này cũng cho thấy rằng cần thiết phải mở rộng hơn việc tham gia của khu vực tư nhân, từ các công ty quốc tế đến các hệ thống khách sạn lớn nhỏ.

* Cuối cùng công trình nghiên cứu đã xét đến một số tổ chức phi chính phủ nhỏ hơn(NGO), cả quốc tế và trong nước, đang xử lý vấn đề du lịch tình dục trẻ em ở cấp cơ sở.

Rất nhiều ví dụ điển hình tốt ở nhiều cá nhân và tập thể có liên quan, nhưng người ta cảm thấy nhiều trong số này còn cần được tiếp tục ủng hộ, tăng cường và mở rộng.

Một kết luận khác của nghiên cứu là về mặt bản chất, ngành công nghiệp du lịch rất cuộc vẫn là một ngành kinh doanh, và các ngành kinh doanh thì đều chạy theo lợi nhuận, chứ không coi trọng phúc lợi của mọi người. Điều này không có nghĩa là không thể có những thực tiễn kinh doanh tốt, cân bằng được giữa lòng tham quá độ và lợi nhuận hợp lý. Tuy nhiên, nhận ra được bản chất của ngành kinh doanh du lịch càng sớm bao nhiêu thì càng hiểu những mâu thuẫn khác biệt giữa nói và thực hành dễ hơn bấy nhiêu.

Đây chính là điều vì sao các Tổ chức du lịch quốc gia một mặt thì nói về các chính sách “gìn giữ” văn hoá và môi trường của họ với “trách nhiệm” và sự tham gia của người dân địa phương, mặt khác thì lại phổ biến triết lý “càng nhiều càng tốt”, tức là không bao giờ được coi là có quá nhiều du khách cả.

* Dù vậy, bản nghiên cứu kết luận rằng đang có sẵn những cơ sở để thúc đẩy “một ngành du lịch tốt”, nhưng những cơ sở này phải được tận dụng triệt để. Chúng bao gồm: Cam kết ở cấp độ cao nhất của chính phủ các nước GMS nhằm đấu tranh với nạn buôn người để bóc lột lao động- Tiến trình COMMIT.

* Ký kết tuyên bố ASEAN chống lại nạn buôn người, đặc biệt là buôn bán phụ nữ và trẻ em, vào ngày 29 tháng 11 năm 2004 tại Viên Chăn, Cộng hoà dân chủ nhân dân Lào.

* Những hiệp định song phương, bao gồm của AUSAID và của cộng đồng bao gồm các tổ chức phi chính phủ (ECPAT quốc tế, WVI, FACE, AESIP...) đang tích cực làm việc cùng nhau về những vấn đề này ở các nước GMS.

* Văn phòng và các Bộ an ninh công cộng các nước GMS tham gia vào các dự án hợp tác xuyên biên giới; và

* Một khung pháp lý đã sẵn có hoặc đang xây dựng ở mỗi nước, nhằm xác lập quyền phụ nữ và trẻ em.

Bản nghiên cứu đưa ra một số kiến nghị chung như sau:

- Thực hiện việc lập chương trình dựa trên chứng cứ bằng cách tiến hành nghiên cứu công phu và chi tiết.

+ Các nghiên cứu phải công phu và chi tiết hơn những bài tập PRA và những cuộc thăm dò đánh giá nhanh. Nghiên cứu cần bao gồm sự kết hợp các phương pháp nghiên cứu định tính và định lượng, tập trung và trải rộng.

- Các tổ chức du lịch quốc gia của các nước GMS cần giải quyết thực trạng du lịch ở đất nước và khu vực mình. Ví dụ:

+ Các chuyên gia du lịch tiên đoán rằng trong vòng 10 năm tới sẽ có nhiều khách du lịch từ vùng Châu Á Thái Bình Dương đến các nước tiểu vùng sông Mêkong mở rộng hơn là từ Châu Âu và Bắc Mỹ. Sở thích và lối sống của các du khách này khác với các du khách Châu Âu và Bắc Mỹ, ngành công nghiệp du lịch sẽ phải điều chỉnh lại chiến lược của mình.

+ Lượng du khách đến các nước này cũng sẽ tăng lên một cách đáng kể thông qua kế hoạch chiến lược của các tổ chức du lịch quốc gia. Ví dụ Thái Lan hy vọng tăng tổng số khách du lịch của mình từ 11 triệu lên hơn 21 triệu. Do con số khách du lịch tăng này, các nước sẽ phải điều chỉnh triệt để chiến lược quản lý du lịch hiện tại của họ để bảo vệ di sản văn hoá, môi trường và xã hội tốt hơn. Khối lượng du khách tăng vọt sẽ đe dọa nghiêm trọng đến sức chứa của các địa điểm du lịch và của xã hội.

+ Người ta cho rằng các loại hình và trào lưu của du lịch hiện nay ở các nước GMS đang dẫn đến nhu cầu ngày càng tăng đối với các điểm giải trí, bao gồm cả dịch vụ tình dục. Điều này cần được kiểm tra và giám sát thông qua các nghiên cứu nghiêm túc.

- Phát triển các biện pháp ngoại giao để thuyết phục các nhà chức trách chính phủ, và đặc biệt các tổ chức du lịch quốc gia, xử lý vấn đề du lịch tình dục trẻ em một cách cởi mở hơn. Điều này có nghĩa là mở rộng mục tiêu ban đầu, không chỉ tập trung vào những kẻ lạm dụng tình dục phương tây, mà còn cả thị hiếu ưa chuộng các bé gái vị thành niên của khách du lịch trong nước và khu vực. Một phần của chiến lược này có thể là nhờ kết quả của nghiên cứu chuyên sâu và nghiêm túc để làm rõ và phân tích vấn đề. Một cách khác là buộc các nhà chức trách có trách nhiệm hơn đối với các văn bản ghi nhớ và hiệp ước khu vực hay cam kết song phương đã được ký kết nhằm chống lại nạn buôn người.

- Khuyến khích các hiệp hội trong khu vực, như khối ASEAN, và các nhà tài trợ cần yêu cầu các chính phủ phải có trách nhiệm về sự quản lý khu vực du lịch để giữ đúng cam kết đối với trẻ em thông qua Công ước về quyền trẻ em; Những mục tiêu thiên niên kỷ toàn cầu; Sự đồng thuận Bali về sự cộng tác với và vì trẻ em trong vùng Đông á Thái Bình Dương và Cam kết khu vực và Kế hoạch Hành động của Khu vực Châu Á Thái Bình Dương chống lại CSEC.

- Khuyến khích các tổ chức du lịch quốc gia thực hiện trách nhiệm của mình trong cuộc chiến chống lại du lịch tình dục trẻ em.

+ Điều này có nghĩa là tìm cách giao cho các Tổ chức Du lịch Quốc gia quyền làm chủ các chương trình. Theo tài liệu do MOT của Campuchia cung cấp, rõ ràng họ đã nắm lấy quyền làm chủ phát triển những chiến lược chống lại du lịch tình dục trẻ em. Hãy khuyến khích quyền làm chủ này và phát triển những phương pháp buộc họ chịu trách nhiệm.

+ TAT và Bộ Du lịch Thể thao Thái Lan coi vấn đề này như là một vấn đề thuộc về ngành cảnh sát. Một phần hướng giải quyết của họ là kéo sự chú ý xa khỏi du lịch tình dục, đặc biệt là du lịch tình dục trẻ em, để thúc đẩy “du lịch

hướng tới gia đình và lành mạnh”. TAT cần được khuyến khích nắm lấy vị trí chủ động mạnh mẽ.

- Kiến tạo những hệ thống có tính khả thi nhằm cấp giấy phép cho ngành du lịch. Hiện tại, hệ thống cấp giấy phép có ở cả Thái Lan và Campuchia, nhưng việc thực hiện không được thường xuyên lắm. Hệ thống cấp giấy phép bao gồm: hướng dẫn viên du lịch; các công ty và đại lý du lịch, tất cả các khách sạn; các nhà hàng và quán cafe; các tụ điểm giải trí, bao gồm cả các quán vườn bia, karaoke, câu lạc bộ đêm và tiệm mát xa...

+ Cần có một hệ thống thực thi với một đội ngũ theo dõi có trách nhiệm và có thẩm quyền.

+ Phạt và xử phạt thật nặng đối với những công ty và cá nhân dính líu đến hành vi bị cấm. Ví dụ, nếu một khách sạn không báo cáo những trường hợp các em vị thành niên bị đưa vào khách sạn bởi những người không phải là người thân, thì khách sạn đó sẽ bị tước giấy phép hoạt động. Giám sát nghiêm ngặt cũng có thể áp dụng cho các công ty du lịch nếu các hướng dẫn viên tạo điều kiện thuận lợi cho các du khách tìm được những người hành nghề tình dục vị thành niên.

+ Tìm cách thuyết phục ngành du lịch đầu tư lại một phần lợi nhuận kinh tế trong việc đào tạo nhân viên của họ cho việc bảo vệ trẻ em trong ngành du lịch, và đảm bảo rằng những tiêu chuẩn bảo vệ trẻ em phải được khu du lịch đồng ý và tuân thủ. Quá trình này cần có sự lãnh đạo trên thực tế lớn hơn của các tổ chức du lịch Quốc gia và nên bao gồm cả dự phòng ngân sách, thoả thuận ký kết để bắt khu vực tư nhân và các cá nhân trong ngành có trách nhiệm.

Những kiến nghị cho nghiên cứu trong tương lai

- Nghiên cứu từ góc độ văn hoá về thái độ và niềm tin về gia đình, trẻ em và tình dục.

+ Những giả thiết mà các tổ chức quốc tế và phi chính phủ (NGO) đưa ra về gia đình kiểu Châu Á và các giá trị của nó chưa hẳn đã chính xác. Điều cơ bản là cần phải hiểu rõ hơn về sự phức tạp và khác nhau giữa và trong các gia đình Châu Á thời hiện đại. Việc phân tích cần bao gồm không chỉ các dân tộc chính ở mỗi quốc gia mà cả các bộ tộc và dân tộc thiểu số khác. Sự khác biệt về giai cấp cũng cần được tính đến. Sự hiểu biết tốt hơn sẽ giúp tạo ra được những chương trình tốt hơn. Trong các bản báo cáo quốc tế, vấn đề giới thường xuyên được đề cập đến, nhưng giai cấp thì ít được nói đến hơn.

- Tiến hành một nghiên cứu về trẻ em dính líu đến du lịch tình dục trẻ em:

+ Các em ấy là ai?

+ Các em từ đâu đến?

+ Những yếu tố nào đưa trẻ em đến hoàn cảnh này?

+ Dân tộc và văn hoá đóng vai trò gì trong sự dễ bị phương hại đã nêu ra?

+ Ai là những người chơi tham dự vào?

- Tiến hành nhiều hơn và tốt hơn những nghiên cứu về các khách hàng của người hành nghề mại dâm, cần tìm hiểu họ là ai, các cách thức sử dụng dịch vụ, sở thích và những địa điểm ưa chuộng của họ là gì.

- Tiến hành nghiên cứu về chính người hành nghề mại dâm (Nghiên cứu của ILO, AIDeTouS đã có đề cập đến vấn đề này), bằng cách đưa ra một số câu hỏi như sau:

+ Họ là ai?

+ Họ từ đâu đến?

+ Trình độ học vấn của họ thế nào?

+ Nghề nghiệp gì? Nếu có?

+ Thái độ và quan niệm của họ về nghề mại dâm thế nào?

+ Các hành vi tình dục của họ thế nào?

- Nghiên cứu văn hoá về mặt thái độ và cách hành vi tình dục của khách du lịch trong và ngoài nước.

+ Xem xét lại quan điểm cho rằng “đàn ông Châu Á” thường thích các cô gái trẻ, đặc biệt là những thiếu nữ còn trinh.

+ Nghiên cứu tập trung giải quyết cụ thể vấn đề dễ bị tổn thương về mặt cấu trúc trong môi trường du lịch. Một số dạng dễ bị tổn thương đã được đề cập ngắn gọn trong nghiên cứu này; ví dụ, vấn đề thiếu quyền công dân và giấy tờ tùy thân không chỉ có ở các dân tộc miền núi, mà còn ở cả người gốc Thái. Một ví dụ khác là tính chất dễ bị tổn thương của các dân tộc thiểu số khi phát triển du lịch. Việc nghiên cứu về tác động của du lịch tới các bộ tộc thiểu số xét từ khía cạnh buôn người đã được yêu cầu trong bản kế hoạch hành động của tiến trình COMMIT.

Kiến nghị về các Chiến dịch Phòng ngừa và Nâng cao nhận thức

- Vạch ra các chiến lược tiếp cận tốt hơn khách du lịch trong và ngoài nước

+ Các chiến lược này cần phải phù hợp về mặt ngôn ngữ, văn hoá và đặt vấn đề.

+ Các chiến lược này cần phải được kiểm tra trước và sau khi thực hiện.

- Thiết kế các phương pháp sáng tạo để kiểm tra và đo được tác động của những chiến dịch nâng cao nhận thức. Điều này có nghĩa là phải kiểm tra các khách du lịch, cũng như đề ra các cách kiểm tra những kẻ lạm dụng trẻ em, có thể bằng các phương pháp đã được FBI hay các nhà nghiên cứu về tội ác tình dục và giết người hàng loạt phát triển.

Kiến nghị về Đào tạo Nâng cao Nhận thức và Phòng ngừa, và Đào tạo Kỹ năng

- Người ta đã kiến nghị các cơ quan và các tổ chức phi chính phủ (NGO) phát triển một loạt các chiến lược và phương thức đào tạo cho các đối tượng dân cư khác nhau.

+ NTO và các quan chức chính phủ sẽ cảm thấy thoải mái trong các phòng họp truyền thống. ECPAT, Tầm nhìn Thế giới và Thông minh Trẻ em thường tiến hành đào tạo theo kiểu này.

+ Đối với những đối tượng khác như người lái xe taxi, người lái xe gắn máy, người làm trong các nhà hàng, nhà nghỉ... cần có cách tiếp cận cá nhân, và có chiến lược đào tạo phù hợp cho từng người.

- Về mặt này, để tiếp tục các công việc cần thiết cần liệt kê ra tất cả những đối tượng liên quan trong lĩnh vực du lịch, cụ thể là các khách sạn 3 sao hoặc thấp hơn, các nhà nghỉ, những người lái xe taxi, xe ôm, nhân viên tụ điểm giải trí và những hướng dẫn viên du lịch.

- Tìm cách đào tạo tay nghề gắn với cung cấp việc làm bất cứ khi nào có thể được. Đây là một kiến nghị hiển nhiên nhưng không phải lúc nào cũng làm được. Ở những nơi khan hiếm các công việc có thu nhập tốt thì điều này càng không phải dễ dàng.

- Gắn đào tạo giáo dục vào trong công việc và cuộc sống hàng ngày của người được đào tạo. Nhiều công nhân muốn học nghề mới nhưng lại không bỏ được công việc hiện tại. Cung cấp việc đào tạo với một số lượng giờ giới hạn và linh động trong ngày có lẽ sẽ tốt hơn. Cách thực hành này đã được COSECAM, Mith Samlanh, KWCD và The Fountain of Life đề xuất.

- Cần xem xét đến mâu thuẫn là các công việc có được sau khi đào tạo tay nghề có thu nhập ít hơn so với thu nhập tình dục trẻ em, và phải làm việc nhiều giờ hơn trong điều kiện nghèo nàn hơn. Một nghiên cứu của UNESCO về các cô gái Hmông ở Lào lấy làm ví dụ, cho thấy bằng việc qua đêm với một khách trong một tháng họ có thể thanh toán được tiền nhà, qua đêm với hai khách trong một tháng họ có thể thanh toán được tiền nhà và tiền ăn; và qua đêm với ba khách trong một tháng họ còn có thêm tiền chi tiêu cho các khoản khác. Làm việc trong nhà máy đóng hộp hay nhà máy dệt may thì không thể so sánh với thu nhập này.

- Nếu được, hãy khuyến khích cả gia đình cùng tham gia vào chương trình dạy nghề giáo dục. Một số các tổ chức đã phát hiện rằng một số gia đình không thể mất nguồn thu từ đưa trẻ hành nghề tình dục, cũng như họ không đủ sức chu cấp cho đưa trẻ trong thời gian đào tạo. Vận động gia đình tham gia vào quá trình đào tạo, bao gồm cả việc trợ cấp về kinh tế, đã có tác dụng tốt.

Kiến nghị đối với việc Bảo vệ

- Đẩy mạnh những dịch vụ đường dây nóng bằng cách đảm bảo có những mạng thông tin và dịch vụ mà người gọi có thể cần. Điều này bao gồm cả dịch vụ bảo vệ nạn nhân cũng như sự tham gia của cảnh sát nếu được yêu cầu. Đảm bảo có sẵn sự trợ giúp đa ngôn ngữ để có thể đáp ứng đa số nếu không muốn nói là tất cả những người gọi.

- Ở những trung tâm bảo trợ cung cấp các dịch vụ và bảo vệ cho những người sử dụng các ngôn ngữ khác nhau cần phải có phiên dịch sẵn sàng, và có thể đào tạo một số nhân viên phiên dịch từ những nạn nhân lánh nạn. Ví dụ ở bản Kredthakharn, không ai nói được tiếng Khmer nhưng cơ sở vẫn trợ giúp được hơn 103 người Campuchia năm 2001, 70 người năm 2002 và 58 người năm 2003.

- Tiếp tục cố gắng để có được sự đối xử với trẻ em tốt hơn trong khuôn khổ pháp luật.

- Hỗ trợ đẩy mạnh và tiếp tục phát triển các liên đoàn lao động. Quyền của người lao động được nâng cao có thể làm giảm nạn buôn người.

Kiến nghị đối với việc Truy tố

- Phải nhận thức rằng thực hành luật không phải là một giải pháp hoàn chỉnh nếu chúng ta không giải quyết các nguyên nhân sâu xa và những tổn thương mang tính hệ thống. Ví dụ, khi cảnh sát đóng cửa nhà thổ của trẻ em vị thành niên ở Svaypak, vấn đề không biến mất đi. Các nguồn tin từ bên trong tổ chức của họ khẳng định rằng những đứa trẻ vẫn còn đó, tuy nhiên việc buôn bán dâm được che đậy kỹ hơn.

- Nhận thức rằng việc đào tạo và nâng cao nhận thức của lực lượng cảnh sát là hết sức cấp bách nhưng cũng rất phức tạp do hạn chế về năng lực và hiệu quả, cần phải thiết kế chương trình đào tạo bao gồm đánh giá nhu cầu cẩn thận trước dự án, giám sát chặt chẽ (trong và sau đào tạo), và đánh giá đầy đủ sau dự án, như đã thực hiện bởi dự án ARCPPT.

- Thay vì chỉ chú trọng đến việc cải thiện các quá trình thực thi pháp luật tập trung vào việc bắt giữ và trừng phạt những kẻ vi phạm, cần xem xét thêm việc sử dụng các biện pháp chú trọng đến quyết định xử phạt nặng về kinh tế. Điều này bao gồm cả việc áp dụng các hình phạt kinh tế nghiêm khắc đối với các cá nhân và dịch vụ du lịch liên quan đến buôn người và du lịch tình dục trẻ em.

- Ví dụ, các quán Bar thuê các em gái vị thành niên sẽ bị phạt và đóng cửa, kiến nghị này liên quan đến “hệ thống cấp giấy phép kinh doanh” đã nêu ở trên.

- Thêm vào đó, một số cá nhân đã từng làm việc với những nạn nhân được cứu thoát đã chỉ ra rằng nhiều người trong số các nạn nhân chỉ muốn được trợ giúp để lấy lại số tiền lương chưa được thanh toán hơn là việc bắt giữ và trừng phạt những kẻ vi phạm. Rõ ràng chiến lược này không thích hợp trong những trường hợp các nạn nhân đã bị lạm dụng và tổn thương ghê gớm